

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC



**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

NGỮ VĂN

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP 9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM – NGUYỄN THÀNH THI (đồng Chủ biên)
NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – NGUYỄN THỊ MINH NGỌC

TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
môn

NGŨ VĂN

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP 9



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chương trình Giáo dục phổ thông	CTGDPT
Học sinh	HS
Giáo viên	GV
Kế hoạch bài dạy	KHBD
Sách giáo khoa	SGK
Sách giáo viên	SGV
Văn bản	VB

Mục lục

PHẦN MỘT: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	5
1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC	5
1.1. Đặc điểm và quan điểm xây dựng chương trình Ngữ văn	5
1.2. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với học sinh lớp 9	6
1.3. Nội dung giáo dục	9
2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA <i>NGỮ VĂN 9</i>	10
2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa <i>Ngữ văn 9</i>	10
2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa <i>Ngữ văn 9</i>	12
2.3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học/ chủ điểm	17
2.4. Ví dụ minh họa	23
2.5. Phân phối chương trình	24
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG	33
3.1. Nguyên tắc dạy học	33
3.2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học	34
4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN <i>NGỮ VĂN</i>	34
4.1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực	34
4.2. Gợi ý ma trận đề, bản đặc tả và đề kiểm tra môn <i>Ngữ văn lớp 9</i> theo hướng đánh giá năng lực	35
5. GIỚI THIỆU HỌC LIỆU BỔ TRỢ	39
5.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên	39
5.2. Hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, tham khảo	40
5.3. Hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học	41
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY	42
1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY	42
1.1. Xác định mục tiêu bài dạy	42
1.2. Thiết kế các hoạt động dạy học	42
1.3. Tổ chức thực hiện hoạt động	44
2. BÀI SOẠN MINH HỌA	45

PHẦN MỘT

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1.1. Đặc điểm và quan điểm xây dựng chương trình Ngữ văn

1. *Tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong CTGDPT tổng thể*, gồm: Định hướng chung cho tất cả các môn học; định hướng xây dựng chương trình môn Ngữ văn ở cả hai giai đoạn. Quan điểm này giúp cho việc xây dựng chương trình môn học Ngữ văn thống nhất với chương trình tổng thể, nhất quán với chương trình các môn học khác.

2. *Dựa trên các cơ sở khoa học*: Kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học và phương pháp dạy học Ngữ văn hiện đại; thành tựu nghiên cứu về văn học, ngôn ngữ học; thành tựu văn học Việt Nam; kinh nghiệm xây dựng chương trình môn Ngữ văn của Việt Nam và cập nhật xu thế quốc tế trong phát triển chương trình nói chung, chương trình môn Ngữ văn nói riêng; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam.

3. *Lấy việc rèn luyện các kĩ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học*: Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về văn học và tiếng Việt được tích hợp vào hoạt động dạy đọc, viết, nói và nghe. Quan điểm này vừa bảo đảm tính chất thống nhất trong toàn chương trình, vừa giúp cho việc tích hợp tốt hơn, thể hiện rõ đặc điểm của chương trình phát triển năng lực, việc trang bị kiến thức phải hướng đến mục tiêu giáo dục là phát triển năng lực.

4. *Xây dựng theo hướng mở*: Tính chất mở của chương trình được thể hiện ở những điểm quan trọng sau đây:

- Không quy định chi tiết về nội dung dạy học, nhất là các VB cụ thể mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp; quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt, văn học và một số VB có vị trí, ý nghĩa quan trọng của văn học dân tộc và thế giới. Đây là nội dung thống nhất, bắt buộc đối với HS toàn quốc.

- Những VB khác được chương trình nêu lên trong phần cuối VB chỉ là sự gợi ý về ngữ liệu, minh hoạ về thể loại, kiểu loại VB.

- Các tác giả SGK căn cứ vào các yêu cầu bắt buộc của chương trình, chủ động, sáng tạo trong việc triển khai các nội dung dạy học cụ thể theo yêu cầu phát triển chương trình.

– GV được lựa chọn SGK, sử dụng một hay kết hợp nhiều sách, nhiều nguồn tư liệu khác nhau để dạy học trên cơ sở bám sát mục tiêu và đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình. Yêu cầu việc đánh giá kết quả học tập cuối năm, cuối cấp không dựa vào các ngữ liệu đã học trong một cuốn SGK Ngữ văn cụ thể mà lấy yêu cầu cần đạt nêu trong VB chương trình môn học làm căn cứ để biên soạn để kiểm tra, đánh giá.

5. Đáp ứng yêu cầu kế thừa và đổi mới, phát triển: Chương trình vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa chú trọng kế thừa và phát huy những ưu điểm của các chương trình môn Ngữ văn đã có, đặc biệt là chương trình hiện hành.

1.2. Mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với học sinh lớp 9

Chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở tiếp tục phát triển năng lực ngôn ngữ đã hình thành ở cấp Tiểu học. Thông qua những kiến thức và kỹ năng Ngữ văn phổ thông cơ bản, chương trình giúp HS tiếp tục học lên Trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia cuộc sống lao động. Kết thúc cấp Trung học cơ sở, HS biết đọc hiểu dựa trên kiến thức đầy đủ hơn, sâu hơn về văn học và tiếng Việt, cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận của bản thân; biết viết các kiểu loại VB (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng) đúng quy cách, quy trình; biết trình bày dễ hiểu, mạch lạc các ý tưởng và cảm xúc; nói rõ ràng, đúng trọng tâm, có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; biết nghe hiểu với thái độ phù hợp và phản hồi hiệu quả.

Dưới đây là bảng thống kê các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói, nghe mà chương trình đã đề ra đối với HS lớp 9:

Bảng 1. Thống kê các yêu cầu cần đạt về Đọc

	Đọc hiểu hình thức	Đọc hiểu nội dung	Liên hệ, so sánh, kết nối
VB văn học	– Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học – Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại – Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì, truyện trinh thám như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện – Nhận biết và phân biệt được lời	– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm – Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích	– Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học – Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân mà VB đã học mang lại – Vận dụng được một số hiểu biết về lịch sử

	người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện – Nhận biết và phân tích được một số yếu tố về thi luật của thơ song thất lục bát như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát – Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ,... – Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại	được một số căn cứ để xác định chủ đề – Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB	văn học Việt Nam để đọc hiểu VB văn học
VB nghị luận	Phân biệt được cách trình bày vấn đề khách quan (chỉ đưa thông tin) và cách trình bày chủ quan (thể hiện tình cảm, quan điểm của người viết)	– Nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB – Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề – Biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai của vấn đề đặt ra trong VB	– Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội – Hiểu được cùng một vấn đề đặt ra trong VB, người đọc có thể tiếp nhận khác nhau
VB thông tin	– Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử, bài phỏng vấn; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó	– Phân tích được thông tin cơ bản của VB; giải thích được ý nghĩa của nhan đề trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB	– Nhận biết và phân tích được quan hệ giữa phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ (như đồ thị, sơ đồ)

	– Nhận biết và phân tích được tác dụng của cách trình bày thông tin trong VB như: trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, các đối tượng phân loại, so sánh và đối chiếu,...	– Đánh giá được vai trò của các chi tiết quan trọng trong VB	- dùng để biểu đạt thông tin trong VB – Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
--	--	--	--

Bảng 2. Thống kê các yêu cầu cần đạt về Viết

Quy trình viết	– Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm – Có hiểu biết và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, biết cách trích dẫn VB của người khác
Thực hành viết	– Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện – Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ – Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục – Viết được một VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và hiệu quả thẩm mỹ của nó – Viết được bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa – Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động, sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ

Bảng 3. Thống kê các yêu cầu cần đạt về Nói – Nghe

Nói	– Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...) – Trình bày được ý kiến về một sự việc có tính thời sự – Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa
-----	---

Nghe	Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như lập luận thiếu logic, bằng chứng chưa đủ hay không liên quan
Nói – Nghe tương tác	– Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi – Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn

1.3. Nội dung giáo dục

HS lớp 9 được học những kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học sau:

1.3.1. Kiến thức tiếng Việt

- Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn (ví dụ: *đồng* trong *đồng dao, đồng âm, đồng minh; minh* trong *thanh minh, minh oan, u minh*).
- Điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng.
- Nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng (như: UN, UNESCO, UNICEF, WHO, WB, IMF, ASEAN, WTO,...).
- Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu (thay đổi trật tự các thành phần trong câu, thêm thành phần phụ,...): đặc điểm và tác dụng.
- Lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép.
- Câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng.
- Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng.
- Sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp.
- Kiểu VB và thể loại:
 - + VB tự sự: truyện kể mô phỏng một truyện đã đọc.
 - + VB biểu cảm: thơ tám chữ; đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ.
 - + VB nghị luận: vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung VB nghị luận; bài nghị luận nêu vấn đề và giải pháp; bài phân tích một tác phẩm văn học.
 - + VB thông tin: cách trình bày các ý tưởng và thông tin trong VB; hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ trong VB thông tin; VB giải thích một hiện tượng xã hội; VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử; quảng cáo, tờ rơi.

- Một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn.
- Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới.
- Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ.
- Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...

1.3.2. Về kiến thức văn học

- Nội dung và hình thức của VB văn học.
- Cảm hứng chủ đạo và tư tưởng của tác phẩm.
- Cốt truyện, nhân vật; lời thoại trong truyện thơ Nôm.
- Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong truyện truyền kì và truyện trinh thám.
- Lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.
- Thơ song thất lục bát: khổ thơ, số chữ, số dòng, vần, nhịp.
- Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại trong kịch bản văn học (bi kịch).
- Sơ giản về lịch sử văn học và vai trò của lịch sử văn học trong đọc hiểu VB.

1.3.3. Về ngữ liệu đọc hiểu

Chương trình quy định các thể loại HS được học ở lớp 9 gồm:

- VB văn học:
- + Truyện truyền kì, truyện trinh thám.
- + Thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm, thơ tám chữ.
- + Bi kịch.
- VB nghị luận:
- + Nghị luận xã hội.
- + Nghị luận văn học.
- VB thông tin:
- + VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc một di tích lịch sử.
- + Bài phỏng vấn.

2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 9

2.1. Quan điểm biên soạn sách giáo khoa Ngữ văn 9

Bộ sách *Ngữ văn* (*Chân trời sáng tạo*) từ lớp 6 đến lớp 9 được biên soạn dựa trên các quan điểm:

Thứ nhất là quan điểm tích hợp, thể hiện ở nhiều cấp độ: tích hợp thể loại và chủ đề, tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; tích hợp dạy đọc hiểu VB với dạy

tiếng Việt; tích hợp viết và tiếng Việt; tích hợp các VB đọc theo chủ điểm và thể loại nhằm mục đích giúp HS không chỉ học về thể loại mà còn học cách nhận biết thể giới tự nhiên, xã hội và bản thân (xem bảng thống kê dưới đây):

Bảng 4. Các bài học và thể loại văn bản

Tập một		Tập hai	
<i>Thương nhớ quê hương</i>	Thơ	<i>Những vấn đề toàn cầu</i>	Nghị luận xã hội
<i>Giá trị của văn chương</i>	Nghị luận văn học	<i>Hành trình khám phá sự thật</i>	Truyện trinh thám
<i>Những di tích lịch sử và danh thắng</i>	VB thông tin	<i>Những cung bậc tình cảm</i>	Thơ song thất lục bát
<i>Con người trong thế giới kì ảo</i>	Truyện truyền kì	<i>Những bài học từ trải nghiệm đau thương</i>	Kịch – bi kịch
<i>Khát vọng công lí</i>	Truyện thơ	<i>Tiếng vọng những ngày qua</i>	Thơ

Tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói – nghe được thể hiện trong tất cả các bài học ở những mức độ khác nhau. Ví dụ như ở Bài 2 (*Giá trị của văn chương*) HS học đọc hiểu, viết, nói – nghe về thể loại nghị luận:

BÀI 2: GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG (VĂN BẢN NGHỊ LUẬN)	31
ĐỌC	32
Về hình tượng bà Tú trong bài "Thương vợ" (Chu Văn Sơn)	33
Ý nghĩa văn chương (Hoài Thanh)	37
Thơ ca (Ra-xun Gam-da-tốp)	40
Thực hành tiếng Việt	42
Tính đa nghĩa trong bài thơ "Bánh trôi nước" (Vũ Dương Quỹ)	43
VIẾT	46
Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	46
NÓI VÀ NGHE	52
Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến	52
ÔN TẬP	54

Khi đọc hiểu các VB nghị luận, HS không chỉ được học nội dung mà còn được học về đặc điểm thể loại và có thể dùng những hiểu biết đó vào việc viết một bài văn nghị luận, học cách nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến qua cách người nói lập luận.

Tích hợp đọc và tiếng Việt được thực hiện theo nguyên tắc: tri thức tiếng Việt được đưa vào bài học phụ thuộc vào việc VB đọc có chứa tri thức tiếng Việt đó hay không, nhằm giúp HS có thể sử dụng tri thức tiếng Việt để đọc hiểu VB tốt hơn.

Ví dụ 1: các VB thơ thường sử dụng điệp thanh, điệp vần, vì thế, ở Bài 1 (*Thương nhớ quê hương*), HS học *Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng*. Ví dụ 2: các VB thông tin thường sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (Bài 3 – *Những di tích lịch sử và danh thắng*), vì thế ở bài này, HS được học về *Phương tiện phi ngôn ngữ*.

Thứ hai là quan điểm học thông qua trải nghiệm và kiến tạo tri thức.

Thứ ba là các quan điểm hiện đại về đọc, viết, nói và nghe, đó là: đọc, viết, nói, nghe là quá trình tương tác giữa người đọc và VB, người viết, người nói với người đọc, người nghe; đọc không chỉ là sự giải mã VB mà còn kiến tạo nghĩa cho VB; viết là một tiến trình, không phải chỉ là một sản phẩm; hoạt động viết và nói – nghe thể hiện sự hiểu biết của người viết, người nói về đối tượng người đọc, người nghe, về các phương tiện ngôn ngữ, phi ngôn ngữ, mục đích giao tiếp, đối tượng giao tiếp.

Bên cạnh đó, *Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) đã kế thừa những điểm tích cực của SGK *Ngữ văn* của CTGDPT 2006, cụ thể là tích hợp đọc với tiếng Việt, đọc hiểu theo thể loại; sử dụng lại các VB có giá trị như *Nhớ rừng* (Thế Lữ), *Quê hương* (Tế Hanh), *Bếp lửa* (Bằng Việt), *Mùa xuân nho nhỏ* (Thanh Hải),...

2.2. Một số điểm mới của sách giáo khoa *Ngữ văn 9*

So với SGK hiện hành, SGK *Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*), có nhiều điểm mới về yêu cầu cần đạt, tính tích hợp, nội dung dạy học theo chủ điểm, cách thiết kế các nhiệm vụ học tập,...

2.2.1. Yêu cầu cần đạt

Yêu cầu cần đạt của từng bài học trong SGK được thiết kế dựa trên các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT (CTGDPT – Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) và CTGDPT môn *Ngữ văn* (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) đã đề ra đối với HS lớp 9 giúp GV và HS định hướng kết quả mà các em cần đạt sau khi học xong bài học, trên cơ sở đó, xác định các phương pháp dạy và học phù hợp.

2.2.2. Các tri thức nền trong sách giáo khoa

Các tri thức (bao gồm kiến thức, kĩ năng) trong *Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được xây dựng dựa trên yêu cầu về kiến thức đối với lớp 9 mà CTGDPT môn *Ngữ văn* 2018 đã đề ra. Các tri thức đó được trình bày ngắn gọn trong mục *Tri thức Ngữ văn*, gồm các tri thức đọc hiểu và tri thức tiếng Việt. Tri thức đọc hiểu là những tri thức mang tính chất công cụ, giúp HS không chỉ biết cách đọc hiểu VB trong SGK mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại nằm ngoài chương trình (xem bảng sau):

Bảng 5. Các tri thức đọc hiểu trong các bài học

Tri thức đọc hiểu	Bài học
Hình thức nghệ thuật của VB văn học	Bài 1

Kết cấu của bài thơ Ngôn ngữ thơ	
Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong VB nghị luận	Bài 2
VB giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử Cách trình bày thông tin theo các đối tượng phân loại Bài phỏng vấn	Bài 3
Truyện truyền kì Lời đối thoại và độc thoại trong VB truyện	Bài 4
Đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam Truyện thơ Nôm	Bài 5
Ý tưởng, thông điệp của VB Bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu VB	Bài 6
Truyện trinh thám	Bài 7
Thơ song thất lục bát	Bài 8
Bi kịch Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học	Bài 9
Nội dung và hình thức của VB văn học	Bài 10

Lớp 9 là lớp cuối cấp, vì thế, trong tri thức đọc hiểu, SGK sẽ giúp HS hệ thống hoá tri thức về lịch sử văn học Việt Nam mà các em đã được học từ lớp 6 đến lớp 9 (Bài 5) và giúp HS hiểu rõ hơn một số đặc điểm của hoạt động đọc, cụ thể là vai trò của bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu VB (Bài 6) và vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu (Bài 9). Điều này giúp HS nhận biết được mối quan hệ tương tác hai chiều giữa vai trò kiến tạo nghĩa cho VB của người đọc và bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội tại thời điểm VB được viết và tại thời điểm người đọc thực hiện hành động đọc.

Các tri thức đọc hiểu đã học ở bài trước sẽ được vận dụng trong một số bài học sau. Ví dụ: tri thức về *Kết cấu của bài thơ*, *Ngôn ngữ thơ* không phải chỉ được sử dụng trong Bài 1 mà còn được sử dụng trong các bài học về thơ (Bài 8 và Bài 10). Tri thức về *Hình thức nghệ thuật của VB văn học* được sử dụng trong tất cả các bài học về VB văn học (các Bài 1, 4, 5, 7, 8, 9, 10).

Tri thức về tiếng Việt là những tri thức mà chương trình yêu cầu, gắn với các hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB, mang tính chất công cụ, giúp HS đọc, viết, nói, nghe tốt hơn (xem bảng sau):

Bảng 6. Các tri thức tiếng Việt trong các bài học

Tri thức tiếng Việt	Bài học
Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng	Bài 1
Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn	Bài 2
Phương tiện phi ngôn ngữ	Bài 3
Nghĩa và cách dùng tên viết tắt một số tổ chức quốc tế quan trọng	
Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp và việc sử dụng dấu câu	Bài 4
Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ	Bài 5
Điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng	
Lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương tiện nối các vế câu ghép	Bài 6
Câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng	Bài 7
Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn	Bài 8
Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu: đặc điểm và tác dụng	Bài 9
Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới	Bài 10

Tri thức về kiểu bài viết, gồm: định nghĩa về kiểu bài và các đặc điểm và yêu cầu đối với kiểu bài (được đóng khung). Đây là những tri thức để HS không chỉ hiểu được đặc điểm kiểu bài mà còn có thể vận dụng để tạo lập VB đúng với đặc điểm kiểu bài (xem bảng sau):

Bảng 7. Các kiểu bài viết trong các bài học

	Kiểu bài	Bài học
Biểu cảm	Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ	Bài 1
Tự sự	Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc	Bài 4
	Viết một truyện kể sáng tạo	Bài 7
Nghị luận	Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện)	Bài 2
	Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện thơ)	Bài 5
	Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ)	Bài 8
	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	Bài 6 Bài 9

Sáng tác	Làm một bài thơ tám chữ	Bài 1
VB thông tin	Viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử	Bài 3 Bài 10

Tri thức về kiểu bài còn được thể hiện thông qua ngữ liệu tham khảo. Ngữ liệu tham khảo này được hiểu như là một mô hình trực quan; hội đủ những đặc điểm chính về nội dung lẫn hình thức của kiểu VB mà HS cần tạo lập, đồng thời, vừa tầm với HS, giúp HS nhận thấy mình có thể học và tạo lập được VB tương tự về kiểu bài với những đề tài khác nhau. Chức năng của ngữ liệu tham khảo là giúp HS học cách làm chứ không phải là mẫu để sao chép nội dung. Điều này hoàn toàn khác với việc GV cho HS bài mẫu, HS chép văn mẫu và cũng khác với việc chọn một VB do các nhà nghiên cứu, các nhà phê bình chuyên nghiệp viết làm mô hình trực quan để HS học theo. Bởi vì, đặc điểm quan trọng của việc học theo mẫu là HS chỉ có thể học theo những mẫu không quá cao, không quá khó với các em.

Nội dung tri thức về nói và nghe trong SGK gồm: (1) cách nói/ trình bày một kiểu bài cụ thể; (2) kỹ năng giao tiếp nói chung, gồm kỹ năng trình bày, lắng nghe, phản hồi. Đó là những kỹ năng giao tiếp mà HS có thể sử dụng trong các tình huống đa dạng của cuộc sống. Các kỹ năng nói – nghe mà chương trình yêu cầu được bố trí trong các bài học như sau:

Bảng 8. Các kỹ năng nói – nghe trong các bài học

Nói và nghe	Bài
Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống	Bài 1 Bài 8
Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến	Bài 2
Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử	Bài 3
Thực hiện cuộc phỏng vấn	Bài 5
Kể một câu chuyện tưởng tượng	Bài 4 Bài 7
Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự	Bài 6 Bài 9
Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự; nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến	Bài 10

Lưu ý:

– Một số kỹ năng nói quan trọng được lặp lại ở hai bài (*Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống*: Bài 1, Bài 8; *Kể một câu chuyện tưởng tượng*: Bài 4, Bài 7; *Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự*: Bài 6, Bài 9); bài sau nâng cao so với bài trước và dùng bảng kiểm đã được trình bày ở bài trước.

– Bài 10 có sự nâng cao về độ khó khi tích hợp cả hai kĩ năng nói và nghe vào cùng một bài.

2.2.3. Các nhiệm vụ học tập

Các nhiệm vụ học tập trong SGK *Ngữ văn 9 (bộ sách Chân trời sáng tạo)* có những đặc điểm sau:

- Được thiết kế theo nguyên tắc phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS, hướng dẫn HS từng bước kiến tạo tri thức, không cung cấp kiến thức có sẵn cũng không “mớm” kiến thức cho HS.
- Bám sát các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe mà CTGDPT tổng thể cũng như CTGDPT môn Ngữ văn đã đề ra.
- Phù hợp với tầm nhận thức và đặc điểm tâm, sinh lí của HS các lớp dưới.
- Tiếp nối và nâng cao những kĩ năng HS đã được học ở các lớp dưới.

2.2.3.1. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Đọc

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về đọc mà chương trình đã đề ra, bao gồm các yêu cầu về đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức, liên hệ, so sánh, kết nối và yêu cầu đọc mở rộng. Trong nhóm câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối có yêu cầu HS viết đoạn, tích hợp đọc và viết, nhằm phát triển kĩ năng viết đoạn, khả năng tưởng tượng, sáng tạo, liên hệ,...
- Vận dụng kiến thức về tiếng Việt và hiểu biết về VB đã đọc cũng như hiểu biết về cuộc sống vào viết đoạn.
- Hướng dẫn HS khám phá nội dung, hình thức của VB, qua đó, hình thành và phát triển các kĩ năng đọc theo thể loại đã được xác định trong chương trình.
- Được thiết kế theo ba giai đoạn của tiến trình đọc: trước, trong và sau khi đọc. Ba giai đoạn này được cài đặt ứng với ba mục lớn của bài học đọc là *Chuẩn bị đọc, Trải nghiệm cùng VB, Suy ngẫm và phản hồi*.
- Hướng dẫn HS vận dụng kĩ năng đọc đã được hình thành qua VB 1 và 2 để đọc mở rộng theo thể loại (VB 4 trong mục *Đọc mở rộng theo thể loại*).

2.2.3.2. Đặc điểm của các nhiệm vụ học tập phần Tiếng Việt

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu về kiến thức tiếng Việt của chương trình lớp 9.
- Gắn với ngữ liệu trong VB đọc.
- Gồm các bài tập thực hành kiến thức mới và ôn lại các đơn vị kiến thức đã học ở những bài học trước, cấp lớp dưới.

2.2.3.3. Đặc điểm của nhiệm vụ học tập phần Viết

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về viết mà chương trình đã đề ra.
- Hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu tham khảo để học cách tạo lập kiểu VB tương tự.

- Hướng dẫn HS quy trình viết qua việc thực hành viết một bài, nghĩa là học bằng cách làm (learning by doing).
- Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài viết thông qua các bảng kiểm (checklist).
- Gắn với thể loại VB đọc (trong một số trường hợp).

2.2.3.4. Đặc điểm các nhiệm vụ học tập phần Nói và nghe

- Được thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt về nói và nghe, hướng dẫn HS hoàn thành mục tiêu/ yêu cầu cần đạt mà chương trình đã đề ra đối với HS lớp 9.
- Hướng dẫn HS cách nói dựa trên một đề bài cụ thể để HS có cơ hội chia sẻ bài đã viết bằng hình thức nói, nghe và nói nghe tương tác, nghĩa là học thông qua trải nghiệm.
- Hướng dẫn HS tự kiểm soát và điều chỉnh bài nói thông qua các bảng kiểm.

2.3. Cấu trúc sách và cấu trúc bài học/ chủ điểm

2.3.1. Cấu trúc sách

Ngữ văn 9 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) có những phần sau:

- Hướng dẫn sử dụng sách.
- Mười bài học tương ứng với mười chủ điểm.
- Ôn tập cuối học kì.
- Các bảng phụ lục.

2.3.1.1. Hướng dẫn sử dụng sách

Hướng dẫn sử dụng sách gồm hình ảnh của các mục trong bài học và ý nghĩa của việc thực hiện các mục đó. Ví dụ:

Đọc phần **giới thiệu bài học** em sẽ biết chủ điểm của bài học và thể loại chính của văn bản.

Cuộc sống là mảnh đất màu mỡ nuôi dưỡng hạt mầm văn chương, là nguồn chất liệu và nguồn cảm hứng để tác giả sáng tạo nên đứa con tinh thần của mình. Ngược lại, văn chương cũng tác động, làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

Qua việc đọc hiểu các văn bản nghị luận văn học trong bài học này, em sẽ hiểu thêm về ý nghĩa của văn chương với đời sống.

? Văn chương góp phần làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn bằng những cách nào?

Suy ngẫm và tìm câu trả lời cho **câu hỏi** này để hiểu ý nghĩa của bài học.

ĐỌC

TRÍ THỨC NGỮ VĂN

Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong văn bản nghị luận

Để làm nền tảng thuyết phục của văn bản nghị luận trong cách trình bày vấn đề, cần kết hợp cả cách trình bày khách quan và cách trình bày chủ quan.

Cách trình bày vấn đề khách quan chỉ đưa thông tin, nêu ra các bằng chứng khách quan. Cách trình bày này tạo ra cơ sở vững chắc (từ pháp lý, từ thực tiễn,...), đảm bảo tính chính xác, đúng đắn cho các lập luận.

Cách trình bày vấn đề chủ quan đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết. Cách trình bày này tác động đến cảm xúc của người đọc, khơi gợi sự đồng cảm, mối quan tâm của người đọc về những vấn đề được bàn luận.

Những khái niệm trong **Trí thức Ngữ văn** là công cụ giúp em đọc, viết, nói và nghe.

2.3.1.2. Các bài học

Nội dung và các hoạt động trong từng bài ở *Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được thiết kế bám sát vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà CTGDPT tổng thể và CTGDPT môn Ngữ văn đã xác định. Mỗi bài học đều có nhiệm vụ thực hiện các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và đọc, viết, nói, nghe (xem bảng sau):

Bảng 9. Ma trận yêu cầu cần đạt trong các bài học (tập 1)

Bài	VB	Yêu cầu cần đạt về Đọc	Yêu cầu cần đạt về tiếng Việt	Yêu cầu cần đạt về Viết	Yêu cầu cần đạt về Nói và nghe
Thương nhớ quê hương	• <i>Quê hương</i> • <i>Bếp lửa</i> * <i>Vẻ đẹp của sông Đà</i> • <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>	Đọc hiểu VB thơ	Nhận biết được biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng	Bước đầu biết làm một bài thơ tám chữ Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ	Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi
Giá trị của văn chương	• <i>Về hình tượng bà Tú trong bài “Thương vợ”</i> • <i>Ý nghĩa văn chương</i> * <i>Thơ ca</i> • <i>Tính đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước”</i>	Đọc hiểu VB nghị luận văn học	Trình bày được một số lưu ý về tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn	Viết được VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó	Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có)
Những di tích lịch sử và danh thắng	• <i>Vườn quốc gia Cúc Phương</i> • <i>Ngo môn</i> * <i>Nhiều giá trị khảo cổ từ Hoàng thành Thăng Long cần được UNESCO công nhận</i>	– Đọc hiểu VB thông tin – Đọc hiểu bài phỏng vấn	Nhận biết được nghĩa và cách dùng tên viết tắt các tổ chức quốc tế quan trọng	Viết được VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa	Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa

Con người trong thế giới kì ảo	• <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> • <i>Truyện lạ nhà thuyền chài</i> * <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> • <i>Dế chọi</i>	Đọc hiểu truyện kì	Nhận biết được sự khác nhau giữa cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp	Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện	Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...)
Khát vọng công lí	• <i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i> • <i>Thuý Kiều báo ân báo oán</i> * <i>Nhân vật lí tưởng trong truyện cổ tích thần kì</i> • <i>Tiếng đàn giải oan</i>	Đọc hiểu truyện thơ	Trình bày được một số hiểu biết sơ giản về chữ viết và tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ Hiểu và phân tích được đặc điểm, tác dụng của điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng	Viết được VB nghị luận phân tích một tác phẩm văn học: phân tích chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó	Tiến hành được một cuộc phỏng vấn ngắn, xác định được mục đích, nội dung và cách thức phỏng vấn

Bảng 10. Ma trận các yêu cầu cần đạt trong các bài học (tập 2)

Bài	VB	Yêu cầu cần đạt về Đọc	Yêu cầu cần đạt về tiếng Việt	Yêu cầu cần đạt về Viết	Yêu cầu cần đạt về Nói và nghe
Những vấn đề toàn cầu	• <i>Đấu tranh cho một thế giới hoà bình</i> • <i>Bài phát biểu của Tổng</i>	Đọc hiểu VB nghị luận xã hội	Lựa chọn được câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép và các phương	– Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết – Viết được VB quảng cáo	Trình bày được ý kiến về một vấn đề có tính thời sự

	thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu * Những điều cần biết về an toàn trong không gian mạng Bản sắc dân tộc: cái gốc của công dân toàn cầu		tiện nối các vế câu ghép	hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay hoạt động	
Hành trình khám phá sự thật	- Chiếc mũ miền đất đá be-rô - Ngôi mộ cổ * Cách suy luận - Kẻ sát nhân lộ diện	Đọc hiểu truyện trinh thám	Nhận biết được đặc điểm và chức năng của câu rút gọn và câu đặc biệt	Viết được một truyện kể sáng tạo, có thể mô phỏng một truyện đã đọc; sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong truyện	Biết kể một câu chuyện tưởng tượng (có bối cảnh, nhân vật, cốt truyện,...)
Những cung bậc tình cảm	- Nỗi nhớ thương của người chinh phụ - Hai chữ nước nhà * Bức thư tưởng tượng - Tì bà hành	Đọc hiểu thơ song thất lục bát	Nhận biết được sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt dễ gây nhầm lẫn	Viết được bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Biết thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống
Những bài học từ trải nghiệm đau thương	Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man	Đọc hiểu VB kịch – bi kịch	Nhận biết được đặc điểm, tác	Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề	Trình bày được ý kiến về một vấn đề có

	• <i>Tình yêu và thù hận</i> * <i>Cái roi tre</i> • <i>Cái bóng trên tường</i>		dụng của việc biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; biến đổi và mở rộng được cấu trúc câu trong giao tiếp	cần giải quyết, trình bày được giải pháp khả thi và có tính thuyết phục	tính thời sự
Tiếng vọng những ngày qua	• <i>Nhớ rừng</i> • <i>Mùa xuân chín</i> * <i>Kí ức tuổi thơ</i> • <i>Sông Đáy</i>	Đọc hiểu VB thơ	Nhận biết được sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới	Viết được VB thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, có sử dụng sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa	Trình bày được ý kiến về một vấn đề có tính thời sự; nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến

Như vậy, toàn bộ các yêu cầu cần đạt mà CTGDPT môn Ngữ văn đề ra đối với HS lớp 9 đã được bố trí đầy đủ trong 10 bài học; mỗi bài thực hiện một số yêu cầu.

2.3.1.3. Ôn tập cuối học kì

Cuối mỗi tập sách có các câu hỏi hướng dẫn HS ôn tập các kiến thức, kĩ năng đã học trong học kì. Các câu hỏi, bài tập này được phân thành bốn nhóm:

- Đọc, tiếng Việt.
- Viết, Nói và nghe.

2.3.1.4. Các phụ lục

Bên cạnh các bảng tra cứu tiếng nước ngoài, bảng tra cứu yếu tố Hán Việt, bảng giải thích thuật ngữ, cuối tập hai của *Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) có các bảng thống kê những tri thức về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe mà HS đã học từ lớp 6 đến lớp 9 giúp HS hệ thống hoá kiến thức bậc Trung học cơ sở.

2.3.2. Cấu trúc bài học/ chủ điểm

Mỗi bài học của *Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) gồm sáu mục, có sự kết nối chặt chẽ giữa yêu cầu cần đạt, giới thiệu bài học, trình bày kiến thức mới (cung cấp những lí thuyết có tính chất công cụ để giúp HS đọc hiểu, viết, nói và nghe) và các hoạt động hướng dẫn HS đọc, làm bài tập tiếng Việt, viết, nói và nghe, ôn tập (xem sơ đồ sau):

Yêu cầu cần đạt: 1. Năng lực đặc thù (đọc, viết, nói và nghe); 2. Phẩm chất

Định hướng yêu cầu cần đạt sau khi học xong

Giới thiệu chủ điểm và thể loại chính của VB đọc
Câu hỏi lớn cho toàn bài học

Định hướng yêu cầu cần đạt sau khi học xong

ĐỌC

Tri thức Ngữ văn (Đọc hiểu, tiếng Việt)
VB 1, 2: thuộc thể loại chính của bài học
VB 3: Đọc kết nối chủ điểm, thuộc thể loại khác
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
VB 4: Đọc mở rộng theo thể loại

Cung cấp những tri thức công cụ để đọc VB
Hướng dẫn đọc VB nhằm đạt mục tiêu bài học

VIẾT

Tri thức về kiểu bài
Hướng dẫn phân tích kiểu VB
Hướng dẫn quy trình viết

Cung cấp tri thức công cụ để tạo lập VB
Hướng dẫn các bước tạo lập VB

NÓI VÀ NGHE

Tri thức về kiểu bài
Hướng dẫn quy trình nói và nghe

Cung cấp những tri thức công cụ để nói và nghe
Hướng dẫn nói, nghe và nói, nghe tương tác

ÔN TẬP

Củng cố kiến thức và suy ngẫm về những gì đã học trong bài

Phần đọc trong mỗi bài học sẽ gồm hai VB đọc chính cùng chủ điểm và cùng thể loại nhằm giúp HS phát triển phẩm chất, hình thành kỹ năng đọc theo thể loại, đồng thời thực hiện kỹ năng liên hệ, so sánh để nhận ra những điểm giống và khác nhau giữa hai VB. VB thứ ba khác về thể loại nhưng vẫn kết nối với VB thứ nhất và thứ hai về chủ điểm nhằm giúp HS hiểu: cùng một chủ điểm nhưng có nhiều cách thể hiện khác nhau. Điều này giúp HS tiếp tục có cơ hội thực hiện kỹ năng liên hệ, so sánh VB

này với VB khác, đồng thời tăng ngữ liệu cho phần thực hành tiếng Việt. VB thứ tư cùng thể loại đọc hiểu và cùng chủ điểm với VB thứ nhất và thứ hai. Chức năng của nó là hướng dẫn HS thực hành đọc theo thể loại, tạo cho HS cơ hội sử dụng kiến thức đã học về thể loại để đọc VB khác cùng thể loại (HS tự đọc ở nhà, đến lớp thảo luận). Vì thế, các câu hỏi về VB này không đi sâu vào nội dung VB mà hướng dẫn HS thực hành, sử dụng kiến thức đã có về thể loại để đọc hiểu VB.

2.4. Ví dụ minh họa

Các yêu cầu cần đạt được triển khai, thể hiện qua các hoạt động cụ thể trong từng bài học. Ví dụ: Bài 4 – *Con người trong thế giới kì ảo* (truyện truyền kì) có các yêu cầu cần đạt:

ĐỌC

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và độc thoại trong VB truyện.
- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống và cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại.

Yêu cầu đọc hiểu
hình thức

Yêu cầu đọc hiểu
hình thức

Yêu cầu đọc hiểu
hình thức

Các yêu cầu trên (SGK tập 1, trang 87) được triển khai trong mục *Suy ngẫm và phản hồi* để giúp HS đạt được yêu cầu “nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện”. Các câu hỏi đó là:

1. Tóm tắt nội dung câu chuyện và cho biết các sự kiện trong câu chuyện được sắp xếp theo trật tự thời gian, không gian như thế nào.
2. Em đồng tình hay không đồng tình với quan niệm về việc học và việc chọn nghề của nhân vật Thúc Ngự? Giải thích ý kiến của em.
3. Phân tích tính cách nhân vật Ngoại Văn và cho biết cách ứng xử với chồng, cha mẹ chồng của nàng thể hiện điều gì về người phụ nữ Việt Nam truyền thống.
4. Nêu một số chi tiết kì ảo và chỉ ra tác dụng của chúng trong việc thể hiện tính cách nhân vật, chủ đề của văn bản.

Để giúp HS đạt được yêu cầu “Viết được một truyện kể sáng tạo, sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong truyện”, sách trình bày yêu cầu đối với một truyện kể sáng tạo, sau đó hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu tham khảo để HS hiểu được đặc điểm kiểu VB này (Bài 7 – *Hành trình phám phá sự thật*, tập 2, trang 57):

Thực hiện những yêu cầu bên dưới:

1. Xác định ngôi kể, người kể trong văn bản trên.
2. Tác giả đã mở đầu câu chuyện bằng cách nào?
3. Tình huống làm nảy sinh câu chuyện là tình huống gì?
4. Tìm các chi tiết tiêu biểu gắn với các sự kiện trong câu chuyện. Các sự kiện, chi tiết trong truyện được liên kết với nhau như thế nào? Chi tiết nào khiến cho diễn biến của câu chuyện trở nên bất ngờ, thú vị?
5. Đoạn đối thoại giữa cha tôi và bác thợ có tác dụng gì trong việc thể hiện tính cách của hai nhân vật này? Nhân vật cha tôi đã có cách giải quyết thế nào đối với sự kiện thứ hai?
6. Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa tự sự với miêu tả, biểu cảm trong truyện.
7. Em rút ra được những lưu ý gì khi viết một truyện kể sáng tạo?

Tiếp theo, sách nêu một đề văn mở và hướng dẫn HS từng bước trong quy trình tạo lập VB. Sách còn trình bày các bảng kiểm để hướng dẫn HS tự đọc và tự điều chỉnh bài viết của mình.

Nội dung phần Nói – nghe trong SGK cũng được thiết kế tương tự như phần Viết. Như vậy, mọi hoạt động dạy học đều thiết kế dựa trên yêu cầu cần đạt của bài học.

2.5. Phân phối chương trình

HỌC KÌ 1: 72 tiết

Bài 1 THƯƠNG NHỚ QUÊ HƯƠNG (13 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Thơ	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3	<i>Quê hương</i>	
	Tiết 4, 5	<i>Bếp lửa</i>	
	Tiết 6	<i>Vẻ đẹp của Sông Đà</i> <i>Mùa xuân nho nhỏ</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp

Tiếng Việt	Tiết 7, 8	Biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần: đặc điểm và tác dụng; Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 9, 10	Làm một bài thơ tám chữ	Bước 3: làm thơ; bước 4: chỉnh sửa: hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem kết quả đến lớp chia sẻ
	Tiết 11	Viết đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Nói – nghe	Tiết 12	Thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 13	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 2

GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG (12 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong văn bản nghị luận	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3	Về hình tượng bà Tú trong bài thơ “Thương vợ”	
	Tiết 4, 5	Ý nghĩa văn chương	
	Tiết 6	Thơ ca Tĩnh đa nghĩa trong bài thơ “Bánh trôi nước”	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
Tiếng Việt	Tiết 7	Cách tham khảo, trích dẫn tài liệu để tránh đạo văn; Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp

Viết	Tiết 8, 9	Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ.
Nói – nghe	Tiết 10, 11	Nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 12	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Bài 3 NHỮNG DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ DANH THẮNG (14 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1, 2	Văn bản giới thiệu một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử; Cách trình bày thông tin theo các đối tượng phân loại; Bài phỏng vấn	Thực hiện trên lớp
	Tiết 3, 4	<i>Vườn Quốc gia Cúc Phương</i>	
	Tiết 5, 6	<i>Ngọ Môn</i>	
	Tiết 7	<i>Nhiều giá trị khảo cổ từ Hoàng thành Thăng Long cần được UNESCO công nhận</i>	Thực hiện trên lớp
	Tiết 8	<i>Cột cờ Thủ Ngũ – di tích cổ bên sông Sài Gòn</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
Tiếng Việt	Tiết 9	Phương tiện phi ngôn ngữ và Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 10, 11	Viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ

Nói – nghe	Tiết 12, 13	Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 14	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập và kiểm tra giữa kì: 3 tiết			
Bài 4 CON NGƯỜI TRONG THẾ GIỚI KÌ ẢO (13 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Truyện truyền kì; lời đối thoại và độc thoại trong văn bản truyện	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3	<i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>	
	Tiết 4, 5	<i>Truyện lạ nhà thuyền chài</i>	
	Tiết 6	<i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> <i>Dế chọi</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
Tiếng Việt	Tiết 7, 8	Cách dẫn trực tiếp, cách dẫn gián tiếp, việc sử dụng dấu câu; Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 9, 10	Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả chia sẻ trước lớp
Nói – nghe	Tiết 11, 12	Kể một câu chuyện tưởng tượng	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 13	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 5 KHÁT VỌNG CÔNG LÍ (14 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 10 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1, 2	Truyện thơ Nôm; đôi nét về lịch sử văn học Việt Nam	Thực hiện trên lớp
	Tiết 3, 4	<i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i>	
	Tiết 5, 6	<i>Thúy Kiều báo ân, báo oán</i>	
	Tiết 7, 8	<i>Nhân vật lí tưởng trong kết thúc của truyện cổ tích thần kì</i> <i>Tiếng đàn giải oan</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
Tiếng Việt	Tiết 9, 10	Một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ Quốc ngữ; điển tích, điển cố: đặc điểm và tác dụng;	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 11, 12	Viết văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem kết quả chia sẻ trên lớp
Nói – nghe	Tiết 13	Thực hiện cuộc phỏng vấn	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 14	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập và kiểm tra cuối kì: 3 tiết			

HỌC KÌ 2: 68 tiết

Bài 6

SỨC MẠNH CỦA TRUYỀN THÔNG (13 tiết)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7 tiết; Viết: 4 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Ý tưởng, thông điệp của văn bản; bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội trong việc đọc hiểu văn bản	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3, 4	Đấu tranh cho một thế giới hoà bình	
		Bài phát biểu của Tổng Thư kí Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu	
	Tiết 5	Những điều cần biết để an toàn trong không gian mạng (dành cho trẻ em và người sắp thành niên)	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
		Bản sắc dân tộc: cái gốc của mọi công dân toàn cầu	
Tiếng Việt	Tiết 6, 7	Lựa chọn câu đơn – câu ghép, các kiểu câu ghép, các kết từ để nối các vế câu ghép; Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 8, 9	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem kết quả chia sẻ trên lớp.
	Tiết 10, 11	Viết văn bản quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động	
Nói – nghe	Tiết 12	Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 13	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp

Bài 7 HÀNH TRÌNH KHÁM PHÁ SỰ THẬT (13 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Đọc	Tiết 1, 2	Truyện trinh thám	Thực hiện trên lớp
	Tiết 3, 4	<i>Chiếc mũ miện dát đá be-rô</i>	
	Tiết 5, 6	<i>Ngôi mộ cổ</i>	
	Tiết 7	<i>Cách suy luận</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
		<i>Kẻ sát nhân lộ diện</i>	
Tiếng Việt	Tiết 8, 9	Câu rút gọn và câu đặc biệt: đặc điểm và chức năng; Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 10, 11	Viết một truyện kể sáng tạo	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ
Nói – nghe	Tiết 12	Kể một câu chuyện tưởng tượng	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 13	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Bài 8 NHỮNG CUNG BẬC TÌNH CẢM (12 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
	Tiết 1	Thơ song thất lục bát	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3	<i>Nỗi nhớ thương của người chinh phụ</i>	Thực hiện trên lớp
	Tiết 4, 5	<i>Hai chữ nước nhà</i>	
	Tiết 6	<i>Bức thư tưởng tượng</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
		<i>Tì bà hành</i>	

Tiếng Việt	Tiết 7, 8	Sự khác biệt về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 9, 10	Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ
Nói – nghe	Tiết 11	Thảo luận về một vấn đề trong đời sống	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 12	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập và kiểm tra giữa kì: 3 tiết			
Bài 9 NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG (13 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Bi kịch Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3	<i>Pơ-liêm, quý Riếp và Ha-nu-man</i>	
	Tiết 4, 5	<i>Tình yêu và thù hận</i>	
	Tiết 6	<i>Cái roi tre</i> <i>Cái bóng trên tường</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả trên lớp
Tiếng Việt	Tiết 7, 8	Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu: đặc điểm và tác dụng; Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 9, 10	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	Mục tìm tư liệu (bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem kết quả chia sẻ trước lớp

Nói – nghe	Tiết 11, 12	Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 13	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Bài 10 TIẾNG VỌNG NHỮNG NGÀY QUA (11 tiết) (Đọc và Thực hành tiếng Việt: 6 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết; Ôn tập: 1 tiết)			
Phân bố số tiết			Ghi chú
Đọc	Tiết 1	Nội dung và hình thức của văn bản văn học	Thực hiện trên lớp
	Tiết 2, 3	<i>Nhớ rừng</i>	
	Tiết 4	<i>Mùa xuân chín</i>	
	Tiết 5	<i>Kí ức tuổi thơ</i> <i>Sông Đáy</i>	Hướng dẫn HS đọc ở nhà, trình bày kết quả đọc trên lớp
Tiếng Việt	Tiết 6	Sự phát triển của ngôn ngữ: từ ngữ mới và nghĩa mới; Thực hành tiếng Việt	Thực hiện trên lớp
Viết	Tiết 7, 8	Viết bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử	Mục tìm tư liệu (nằm trong bước 1), viết bài (bước 3), chỉnh sửa (bước 4): hướng dẫn HS thực hiện ở nhà, sau đó đem đến kết quả lớp chia sẻ
Nói – nghe	Tiết 9, 10	Trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự; nghe và nhận biết tính thuyết phục của một ý kiến	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập	Tiết 11	Ôn tập	Kết hợp hướng dẫn HS thực hành ở nhà và trên lớp
Ôn tập và kiểm tra cuối kì: 2 tiết			
Ôn tập cuối cấp: 1 tiết			

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Các phương pháp, kĩ thuật dạy học đã được trình bày trong SGK Ngữ văn 6, Tài liệu bồi dưỡng GV Ngữ văn 6, Tài liệu bồi dưỡng GV Ngữ văn 7, Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng GV sử dụng SGK môn Ngữ văn 8. Trong tài liệu này, chúng tôi nhấn mạnh một số nguyên tắc, phương pháp, kĩ thuật dạy học và cách tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù và phẩm chất cho HS trong môn Ngữ văn.

3.1. Nguyên tắc dạy học

Khi thực hiện chương trình mới, GV cần lưu ý những nguyên tắc sau:

– Đảm bảo thực hiện được các mục tiêu/ yêu cầu cần đạt mà chương trình môn Ngữ văn 2018 đã đề ra đối với HS lớp 9 thông qua việc tổ chức các hoạt động cho HS thực hiện, theo nguyên tắc “học thông qua trải nghiệm, thông qua làm” để qua đó, kiến tạo tri thức cho bản thân, hình thành và phát triển năng lực.

– Đảm bảo sự tiếp nối, nâng cao các yêu cầu cần đạt đối với từng cấp lớp. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe đối với HS được lặp lại, đồng thời được nâng cao dần qua từng cấp lớp, tạo thành “đường phát triển năng lực” từ lớp 1 đến lớp 12. Ví dụ: yêu cầu cần đạt đối với kĩ năng đọc hiểu văn nghị luận ở lớp 6, lớp 7 là “nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB; chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng”, đối với lớp 8 là “nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB”. Ở lớp 9, yêu cầu được nâng cao: “nhận biết và phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB”. Vì thế, khi dạy đọc hiểu VB nghị luận ở lớp sau, GV cần khơi gợi/ nhắc lại những tri thức mà HS đã học ở lớp trước, đồng thời thiết kế các nhiệm vụ học tập để HS không chỉ nhận biết mà còn phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB.

– Qua “cái” để dạy “cách”, nghĩa là thông qua việc đọc hiểu VB cụ thể, HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn nhận biết được đặc điểm thể loại, từ đó, biết cách đọc các VB khác cùng thể loại, hoặc là thông qua việc phân tích một ngữ liệu tham khảo trong SGK, HS nhận biết đặc điểm, yêu cầu đối với kiểu bài, từ đó, học cách tạo lập VB tương tự về kiểu loại.

– Dạy kiến thức đồng thời dạy kĩ năng sống: kĩ năng ứng xử trong các tình huống tương tự, kĩ năng giao tiếp, hợp tác,...

– Phát triển khả năng tự điều chỉnh, tự định hướng cho HS qua việc sử dụng các bảng kiểm kĩ năng đọc, viết, nói, nghe, kĩ năng hợp tác,... *Lưu ý:* không lạm dụng quá nhiều bảng kiểm trong một bài học.

– Hướng dẫn, trợ giúp HS trong suốt quá trình học để giúp các em từng bước đạt được yêu cầu mà chương trình đề ra, đồng thời, giảm dần sự trợ giúp HS, tăng dần sự độc lập của HS qua các bài học. Ví dụ: khi dạy đọc hiểu VB trong từng bài học, GV cần dành nhiều thời gian tổ chức cho HS đọc VB 1, VB 2 để HS hình thành kĩ năng đọc. Sau đó, cho HS tự thực hành đọc VB 3, 4.

3.2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học

– Phối hợp sử dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học. Cơ sở của việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học là mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của từng bài học, từng hoạt động, nội dung bài học, đối tượng HS, số tiết, điều kiện cơ sở vật chất.

– Bên cạnh các phương pháp dạy học và kĩ thuật dạy học như diễn giảng, dạy học hợp tác, tổ chức cho HS thuyết trình, câu hỏi, sân khấu hoá,... GV cần tăng cường sử dụng các phương pháp, kĩ thuật như:

+ Làm mẫu kĩ năng đọc, kĩ năng viết và nói, nghe bằng kĩ thuật nói to suy nghĩ (think-aloud).

+ Hướng dẫn HS kết hợp viết trong quá trình đọc: điền vào phiếu học tập, ghi vào mảnh giấy nhỏ (stick-note) những suy nghĩ, cảm xúc trong quá trình đọc, viết đoạn văn về VB sau khi đọc xong, viết nhật kí đọc sách để thảo luận trong giờ đọc hiểu VB.

+ Hướng dẫn HS kết hợp đọc trong giờ dạy viết: đọc, quan sát ngữ liệu tham khảo để hiểu rõ đặc điểm của kiểu bài thông qua ngữ liệu cụ thể, đọc để thu thập tài liệu tham khảo cho bài viết.

– Tổ chức cho HS đóng vai: (1) đọc diễn cảm, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ, giọng điệu của nhân vật trong tác phẩm; (2) mời một HS đóng vai nhân vật hoặc tác giả, các HS khác nêu câu hỏi cho nhân vật hoặc tác giả; (3) hình dung bản thân là người đọc để đọc lại bài viết của mình, qua đó, nhận ra những điều mà người đọc mong muốn từ người viết, bài viết; (4) đóng vai các nhân vật (người nghe, người nói) trong một hoàn cảnh giao tiếp cụ thể để trải nghiệm.

– Tổ chức, hướng dẫn HS sử dụng công nghệ thông tin để trình bày sản phẩm; sử dụng internet để tìm kiếm, phân tích thông tin, tương tác với nhau thông qua việc công bố sản phẩm lên Google classroom của lớp, nhận xét về sản phẩm của bạn/ nhóm bạn và phản hồi ý kiến của bạn/ nhóm bạn.

4. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN

4.1. Đánh giá theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

Hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn ở lớp 9 cần tiếp tục đáp ứng mục tiêu đánh giá được quy định trong chương trình Ngữ văn 2018, dựa trên căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định đối với lớp 9. Nội dung đánh giá là đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của HS thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe. Cũng như các lớp trước, đánh giá môn Ngữ văn ở lớp 9 được thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS cần bám sát yêu cầu cần đạt của chương trình Ngữ văn 2018 và các VB hướng dẫn đã ban hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: *Thông tư 22, Công văn 3175*,...

Một số lưu ý khi đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn lớp 9:

– *Về kĩ năng đọc*: Đối với những thể loại, loại VB mà HS đã được học từ các lớp trước, GV cần lựa chọn đánh giá những yêu cầu cần đạt có sự phát triển về mặt năng lực để có thể đánh giá kịp thời, chính xác mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của HS lớp 9. Đối với hình thức đánh giá định kì (kiểm tra giữa kì, kiểm tra cuối kì), GV cần dựa vào SGK bộ sách *Chân trời sáng tạo* để lựa chọn đánh giá các yêu cầu cần đạt phù hợp.

– *Về tiếng Việt*: Cũng như các lớp trước, GV có thể đánh giá tích hợp kiến thức tiếng Việt được quy định trong chương trình lớp 9 với việc đánh giá kĩ năng đọc các loại VB.

– *Về kĩ năng viết*: GV lựa chọn các kiểu bài viết được quy định trong chương trình lớp 9 để đánh giá kĩ năng viết của HS. Riêng kiểu bài “thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay một di tích lịch sử” và kiểu bài “viết VB quảng cáo hay tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động”, GV nên sử dụng trong đánh giá thường xuyên vì hai kiểu bài này đòi hỏi HS phải sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với các phương tiện phi ngôn ngữ (sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa,...) nên không thuận lợi cho hình thức kiểm tra định kì tập trung ở trường.

– *Về kĩ năng nói, nghe*: Cũng như các lớp trước, GV đánh giá thường xuyên hai kĩ năng này trong quá trình dạy học, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu cần đạt của chương trình lớp 9.

4.2. Gợi ý ma trận đề, bản đặc tả và đề kiểm tra môn Ngữ văn lớp 9 theo hướng đánh giá năng lực

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

(HÌNH THỨC TỰ LUẬN)

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu (tích hợp tiếng Việt)	VB nghị luận (Tiếng Việt: lựa chọn câu đơn, câu ghép phù hợp với nội dung, mục đích giao tiếp)	0	2	0	2	0	1	0	0	60

2	Viết	Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tỉ lệ %			0	25	0	50	0	20	0	5	100
Tỉ lệ chung			25		50		20		5		100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: NGỮ VĂN LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng %
1	Đọc hiểu	VB nghị luận	Nhận biết: – Nhận biết được luận đề của VB – Nhận biết được luận điểm của VB Thông hiểu: – Phân tích được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB – Lựa chọn được câu đơn, câu ghép phù hợp với nội dung, mục đích giao tiếp Vận dụng: Liên hệ được ý tưởng, thông điệp trong VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội	2 TL		2 TL		60
2	Viết	Bài văn nghị luận	Nhận biết: Thông hiểu:				1 TL	40

		về một vấn đề cần giải quyết	Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.					
Tỉ lệ %				25%	50%	20%	5%	100
Tỉ lệ chung				75%		25%		

SỞ GD & ĐT ...
TRƯỜNG THCS ...

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 – 2025

Môn thi: Ngữ văn 9

Ngày thi: ... tháng ... năm...

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề thi gồm có
1 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc VB sau:

Sự yên tĩnh của con người hiện đại

(1) Tôi cho rằng con người hiện đại không cần có yên tĩnh tuyệt đối, mà cái họ cần là yên tĩnh trong huyền não; họ không thụ động chờ mong yên tĩnh, mà chủ động tạo ra yên tĩnh cho cuộc sống của mình.

(2) Khi được nghe nói đến yên tĩnh, nhiều người sẽ nghĩ đến một nơi không có âm thanh, thật ra yên tĩnh chính là lòng cảm thấy bình thản, thư thái. Cảm giác đó không nhất thiết bắt nguồn từ sự yên lặng không có tiếng động. Có thể nói là sự yên lặng không tiếng động khó có thể tạo cảm giác thư thái cho người hiện đại bởi họ đã quen trong môi trường huyền não, nếu đột nhiên rơi vào môi trường “yên lặng không tiếng động” sẽ rất dễ gây cảm giác bất an. Vì thế, sự yên tĩnh mà người hiện đại cần là sự yên tĩnh có tiếng động. Tiếng trúc lay động, tiếng thông vi vu, tiếng côn trùng rả rích, thậm chí một bài hát, mấy khúc nhạc sẽ xua đi những căng thẳng, dẫn khiến lòng ta yên tĩnh trở lại.

(3) Sự yên tĩnh của người hiện đại là sự yên tĩnh trong quán cà phê, khi ta bước từ thế giới huyền não, đẩy cánh cửa kính dày, gác lại ồn ã bên ngoài, ngả người thoải mái trên ghế, nhấp một ngụm cà phê, thưởng thức một khúc nhạc cổ điển êm ái;

đến giờ, chúng ta lại kéo cửa, bước ra thế giới sôi động. Sự yên tĩnh của người hiện đại không phải là ở ẩn rừng sâu, làm bạn với hươu, nai, cây, cỏ, không phải là yên tĩnh kiểu tranh Tề Bạch Thạch¹, mà là tìm khe nhỏ yên tĩnh giữa quãng thời gian ồn ã. Phút yên tĩnh ngắn ngủi khiến ta vừa giảm căng thẳng, vừa xốc lại tinh thần và sức lực.

(4) Độc giả có thể hỏi, tạo ra yên tĩnh như thế nào? Câu trả lời của tôi là: Yên tĩnh được tạo ra từ huyền ảo. Những ví dụ như thế rất phổ biến ở Mỹ, chúng ta thường thấy một người Mỹ cố công hoàn thành công việc của năm tháng trong bốn tháng. Khi hỏi: “Sao không làm từ từ thôi?”, họ chắc chắn sẽ trả lời: “Làm từ từ lại thêm bận rộn, vì công việc chưa hoàn thành, lòng không yên nên khó nghỉ ngơi, chẳng thà dốc sức để tranh thủ thời gian nghỉ ngơi thoải mái.”

(Theo *Nhân sinh phiêu bạt*, Lưu Dung – Lưu Hiền, Nhất Cư dịch, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2007, tr. 89 – 90)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0.5 điểm). Xác định vấn đề được bàn luận trong VB.

Câu 2 (1.0 điểm). Chỉ ra luận điểm được trình bày ở đoạn (2).

Câu 3 (2.0 điểm). Xác định lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu được trình bày trong đoạn (3). Phân tích để làm rõ vai trò của những lí lẽ, bằng chứng tiêu biểu ấy trong việc làm sáng tỏ luận đề.

Câu 4 (1.5 điểm). Phân tích cấu trúc các câu trong đoạn văn sau và cho biết câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép. Nêu tác dụng của việc lựa chọn các kiểu câu ấy trong đoạn văn.

(1) Khi được nghe nói đến yên tĩnh, nhiều người sẽ nghĩ đến một nơi không có âm thanh, thật ra yên tĩnh chính là lòng cảm thấy bình thản, thư thái. (2) Cảm giác đó không nhất thiết bắt nguồn từ sự yên lặng không có tiếng động.

Câu 5 (1.0 điểm). Ở đoạn (4), tác giả cho rằng “Yên tĩnh được tạo ra từ huyền ảo”. Trình bày suy nghĩ của em về sự phù hợp của ý kiến này trong bối cảnh xã hội của Việt Nam hiện nay.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Tình huống: Lớp em tổ chức diễn đàn *Cùng nhau tiến bộ* để cùng trao đổi những bài viết đề xuất giải pháp cho các vấn đề mà HS có thể gặp phải trong học tập và các hoạt động khác của lớp.

Nhiệm vụ: Em hãy chọn một vấn đề mà mình quan tâm, viết bài văn nghị luận (khoảng 450 chữ) để gửi đăng ở diễn đàn này.

¹ Tề Bạch Thạch (1864 – 1957), tên thật là Tề Thuần Chi. Ông là danh họa vĩ đại nhất của Trung Quốc thế kỉ XX với những tác phẩm nổi tiếng về tôm, cua, cá, thiên nhiên,... đầy sự ngẫu hứng và sống động.

5. GIỚI THIỆU HỌC LIỆU BỔ TRỢ

5.1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên

5.1.1. Kết cấu sách giáo viên

SGV Ngữ văn 9 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) là tài liệu hướng dẫn cách tổ chức dạy học cho SGK Ngữ văn 9 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*). Sách gồm hai tập.

Tập một gồm hai phần, *Phần I: Những vấn đề chung*, *Phần II: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học*.

Phần I: Những vấn đề chung, trình bày các cơ sở của việc biên soạn SGK (các nghị quyết, thông tư về đổi mới chương trình, SGK phổ thông của Quốc hội và Bộ Giáo dục và Đào tạo); những điểm mới nổi bật của *Ngữ văn 9*; cấu trúc sách và cấu trúc bài học.

Phần II: Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài học, từ Bài 1 đến Bài 5. Những hướng dẫn này là sự triển khai cụ thể của các phương pháp, kĩ thuật và phương tiện dạy học đã trình bày trong Phần I. Nội dung hướng dẫn tổ chức dạy từng bài học gồm ba mục lớn: *Yêu cầu cần đạt*; *Phương pháp, phương tiện dạy học* và *Tổ chức các hoạt động học*.

Tập hai, sách trình bày *Hướng dẫn tổ chức dạy học các bài*, từ Bài 6 đến Bài 10. Các hướng dẫn trong mỗi bài học tiếp tục thể hiện các phương pháp, kĩ thuật dạy học đã được thể hiện trong Phần I của tập một.

Ở mục *Yêu cầu cần đạt*, sách trình bày rõ những yêu cầu mà HS cần đạt sau khi học xong bài học. Những yêu cầu này được xây dựng dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực mà CTGDPT môn Ngữ văn và CTGDPT tổng thể (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018) đã xác định đối với HS lớp 9.

Ở mục *Phương pháp, phương tiện dạy học*, sách giới thiệu những phương pháp và phương tiện dạy học mà GV có thể sử dụng để dạy bài học.

Ở mục *Tổ chức các hoạt động học*, sách đề xuất cách tổ chức các hoạt động dạy học cho các bài học, từ cách giới thiệu bài mới đến cách hướng dẫn HS đọc, viết, nói, nghe nhằm đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực. Mỗi hoạt động dạy học được tổ chức nhằm giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt về năng lực chung cũng như năng lực chuyên biệt mà chương trình đã đặt ra.

5.1.2. Sử dụng sách giáo viên hiệu quả

SGV là nguồn tài liệu quan trọng giúp GV hiểu được các quan điểm dạy học hiện đại, tinh thần của SGK mới, các phương pháp, phương tiện dạy học và cách đánh giá năng lực HS, đồng thời là tài liệu hướng dẫn GV cách dạy các bài cụ thể. Tuy nhiên, GV cần có những điều chỉnh về cách dạy phù hợp với tình hình thực tế của lớp học, trình độ HS, điều kiện cơ sở vật chất của trường.

5.2. Hướng dẫn sử dụng sách bổ trợ, sách tham khảo

5.2.1. Kế hoạch bài dạy Ngữ văn 9

KHBD Ngữ văn 9 (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được viết nhằm mục đích cung cấp cho GV nguồn tài liệu tham khảo để GV soạn KHBD cho các bài học trong SGK *Ngữ văn 9* theo yêu cầu của Chương trình 2018 và theo yêu cầu của Công văn 5512.

KHBD Ngữ văn 9 gồm hai phần:

PHẦN I. ĐỊNH HƯỚNG CÁCH DẠY HỌC, CÁCH SOẠN KẾ HOẠCH BÀI DẠY, CÁCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Trong phần này, sách trình bày định hướng cách dạy *đọc hiểu, tiếng Việt, viết, nói và nghe*, cách vận dụng mô hình thiết kế bài dạy theo Công văn 5512 vào thiết kế các bài dạy *đọc hiểu, tiếng Việt, viết, nói, nghe* và định hướng cách kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kì nhằm đo lường mức độ đạt được các yêu cầu cần đạt mà CT-GDPT 2018 môn Ngữ văn đã quy định đối với HS lớp 9.

PHẦN II. KẾ HOẠCH BÀI DẠY CÁC BÀI HỌC TRONG NGỮ VĂN 9 (BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Phần này gồm các KHBD cho 10 bài học. Mỗi bài học/ chủ điểm gồm năm KHBD: *đọc hiểu, tiếng Việt, viết, nói và nghe, ôn tập*. Đặc điểm của các KHBD này là đều xác định rõ mục tiêu hay còn gọi là kết quả đầu ra mà HS cần đạt được sau mỗi bài học. Các mục tiêu đó được triển khai thành các hoạt động, sản phẩm cụ thể. Điều này đảm bảo cho GV kiểm soát được bài học đã đạt mục tiêu như thế nào, qua các hoạt động và sản phẩm nào.

5.2.2. Bài tập Ngữ văn 9

Cuốn *Bài tập Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được các tác giả biên soạn nhằm giúp HS vận dụng những tri thức đã học trong SGK *Ngữ văn 9* (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2024) vào đọc hiểu các VB, làm các bài tập tiếng Việt cũng như thực hành viết, nói và nghe các kiểu bài để từ đó củng cố, nâng cao các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe. Cuốn sách gồm hai tập, mỗi tập có năm bài tương ứng với năm bài học/ chủ điểm trong SGK *Ngữ văn 9*. Mỗi bài gồm có hai phần: phần thứ nhất trình bày hệ thống các bài tập đọc, tiếng Việt, viết, nói và nghe; phần thứ hai hướng dẫn các em cách làm bài tập và gợi ý câu trả lời.

Để hướng dẫn HS sử dụng sách bài tập hiệu quả, GV chú ý:

– Mỗi chủ điểm/ bài học trong SGK gồm các hoạt động đọc, tiếng Việt, viết, nói, nghe và kéo dài trong khoảng 3 tuần. Vì thế, sau khi HS học xong phần Đọc, GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập nằm trong mục Đọc, tiếp theo, thực hiện các bài tập về Viết, Nói – Nghe, sau khi hoàn thành các hoạt động này trên lớp.

– Với những bài tập khó, GV cho HS trao đổi trên lớp để cả lớp cùng giải quyết, qua đó, HS được học hỏi lẫn nhau, GV có cơ hội điều chỉnh kiến thức cho các em.

– GV nhắc HS tự làm bài tập, sau đó, đối chiếu với các câu trả lời trong phần *Định hướng trả lời* để kiểm tra mức độ đúng, sai của câu trả lời là tự điều chỉnh kiến thức của bản thân.

5.2.3. *Vở thực hành Ngữ văn 9*

Vở thực hành Ngữ văn 9 được biên soạn nhằm:

– Hướng dẫn HS cách ghi chép những nội dung được học trong SGK một cách ngắn gọn, đủ ý, trực quan.

– Góp phần hình thành kĩ năng ghi chép – một kĩ năng rất quan trọng mà mỗi người cần phải có.

Nội dung sách được thiết kế dựa vào câu hỏi, bài tập của các phần: *Đọc, Tiếng Việt, Nói và nghe, Ôn tập* trong SGK. Các câu hỏi, bài tập trong SGK được thiết kế thành dạng sơ đồ, bảng biểu, khoảng trống để HS điền vào. Trong trường hợp phần ghi chép của HS dài hơn khoảng trống trong *Vở thực hành Ngữ văn 9*, GV hướng dẫn các em ghi bổ sung trên các tờ stick-note và dán vào vị trí của câu hỏi. HS cũng có thể sử dụng các loại bút màu để làm rõ hoặc nhấn mạnh các nội dung ghi chép mà các em cho là quan trọng.

5.2.4. *Thực hành Ngữ văn 9*

Mỗi bài học trong SGK *Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) có những câu hỏi, bài tập được thiết kế để giúp các em thực hiện các hoạt động đọc hiểu VB, thực hành tiếng Việt và thực hành các đề bài Viết, Nói – Nghe. Có thể các em sẽ lúng túng, chưa biết cách thực hiện các nhiệm vụ học tập đó. Vì thế, cuốn *Thực hành Ngữ văn 9* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được biên soạn nhằm hướng dẫn các em cách thực hiện nhiệm vụ học tập trong SGK một cách hiệu quả.

5.3. *Hướng dẫn sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị dạy học*

SGK điện tử lớp 9 là phiên bản điện tử của SGK lớp 9 được tích hợp và mở rộng các nội dung liên quan:

- Các học liệu kèm theo SGK như các tệp âm thanh, hình ảnh, video clip,...
- Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học cần thiết để dạy học theo SGK.
- KHBD.
- Hỏi đáp, tương tác với Chủ biên, tác giả, biên tập viên của SGK và các đơn vị, cá nhân liên quan của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Trao đổi, thảo luận qua mạng với cộng đồng người dùng sách.

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Dạy học theo CTGDPT 2018 nhằm hướng đến việc hình thành năng lực cho HS. Khi soạn KHBD, GV cần trả lời câu hỏi: Sau bài học này, HS có thể làm được gì? Do đó, GV cần lưu ý một số điểm sau:

1.1. Xác định mục tiêu bài dạy

KHBD không thể hiện mục tiêu bài dạy theo các mục kiến thức, kĩ năng, thái độ một cách rời rạc, mà theo các mục về năng lực (bao gồm năng lực đặc thù, năng lực chung) và phẩm chất. Điều quan trọng là các mục tiêu bài dạy cần được viết một cách cụ thể và có thể định lượng, quan sát được thông qua các động từ miêu tả rõ mức độ tư duy như *nhận biết, trình bày, phân tích,...* (bám sát yêu cầu của CTGDPT môn Ngữ văn 2018).

1.2. Thiết kế các hoạt động dạy học

KHBD phát triển năng lực cần được thiết kế theo một tiến trình phù hợp với tiến trình tư duy của HS, đảm bảo vai trò trung tâm của HS và hướng dẫn HS hình thành năng lực thông qua việc tổ chức các hoạt động học cụ thể (dựa trên quan điểm của thuyết kiến tạo). Tiến trình này bắt đầu từ việc xác định nhiệm vụ học tập đến hình thành tri thức, kĩ năng để giải quyết nhiệm vụ đã đặt ra, và cuối cùng là luyện tập, vận dụng để khắc sâu kiến thức mới. Tiến trình dạy học một đơn vị kiến thức hoàn chỉnh bao gồm bốn hoạt động như sau:

- Hoạt động *mở đầu*: khởi động, kích hoạt kiến thức nền, xác định nhiệm vụ học tập.
- Hoạt động *hình thành kiến thức mới*: hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ cần thiết để giải quyết nhiệm vụ học tập đã được đặt ra.
- Hoạt động *luyện tập*: luyện tập, thực hành để củng cố các kiến thức, kĩ năng đã học.
- Hoạt động *vận dụng và mở rộng*: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết tình huống tương tự; mở rộng, nâng cao kiến thức, kĩ năng cho HS nếu cần.

Tiến trình dạy học như vậy phù hợp với quá trình tư duy của HS, đáp ứng được định hướng phát triển năng lực cho HS.

Mỗi chủ điểm gồm có năm KHBD: dạy kĩ năng đọc, dạy tiếng Việt, dạy kĩ năng viết và dạy kĩ năng nói – nghe. Các hoạt động dạy học được thể hiện trong KHBD và KHBD *Ôn tập* như sau:

Tiến trình dạy học chung	Thiết kế KHBD kĩ năng Đọc hiểu	Thiết kế KHBD kĩ năng Viết	Thiết kế KHBD kĩ năng Nói và Nghe	Thiết kế KHBD tiếng Việt
Hoạt động mở đầu	– Hoạt động giới thiệu chủ điểm và câu hỏi lớn – Hoạt động xác định nhiệm vụ đọc	– Hoạt động xác định nhiệm vụ viết – Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết	– Hoạt động kích hoạt kiến thức nền về kiểu bài qua hoạt động viết đã thực hiện (nếu có) – Hoạt động xác định nhiệm vụ nói và nghe	– Hoạt động khởi động, kích hoạt kiến thức nền (nếu có) – Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập
Hoạt động hình thành kiến thức mới	– Hoạt động giới thiệu tri thức đọc hiểu – Hoạt động đọc VB 1 – Hoạt động đọc VB 2 – Hoạt động khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc	– Hoạt động kích hoạt kiến thức nền về kiểu bài qua các VB đã đọc (nếu có) – Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài – Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu VB – Hoạt động hướng dẫn quy trình viết	– Hoạt động xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói – Hoạt động tìm ý, lập dàn ý – Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện, đánh giá kĩ năng nói và nghe – Hoạt động làm mẫu kĩ năng nói và nghe (nếu cần)	Hoạt động hình thành tri thức tiếng Việt
Hoạt động luyện tập	– Hoạt động hướng dẫn <i>Đọc mở rộng theo thể loại</i> – Hoạt động hướng dẫn <i>Đọc kết nối chủ điểm</i>	Tổ chức cho HS viết bài qua các hoạt động: – Hoạt động chuẩn bị trước khi viết – Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết – Hoạt động tìm ý, lập dàn ý, viết bài	– Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe – Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm	– Hoạt động <i>Thực hành tiếng Việt</i>. – Hoạt động <i>Viết ngắn</i> – Hoạt động thực hiện bài tập mở rộng (nếu cần)

		– Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm		
Hoạt động vận dụng và mở rộng		Hoạt động công bố và tiếp tục chỉnh sửa sản phẩm viết		

Riêng KHBD *Ôn tập* gồm hai hoạt động sau:

A. Hoạt động trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập

B. Hoạt động thảo luận về câu hỏi lớn của chủ điểm

1.3. Tổ chức thực hiện hoạt động

Số tiết trung bình cho 10 chủ điểm/ bài học chính trong *Ngữ văn 9* (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*) là 12 tiết, có một số bài 14 tiết, trong đó, số tiết dành cho hoạt động đọc chiếm khoảng 1/3 hoặc 1/2. Tuy nhiên, tùy theo khả năng tiếp nhận kiến thức của HS mà GV có thể điều chỉnh cho phù hợp.

Đối với từng chủ điểm/ bài học: cần thực hiện đúng trình tự các hoạt động đã được thiết kế trong SGK, đó là: (1) dạy tri thức đọc hiểu và hướng dẫn HS đọc các VB; (2) dạy tri thức tiếng Việt và tổ chức cho HS thực hành tiếng Việt; (3) dạy viết; (4) dạy nói, nghe; (5) tổ chức cho HS ôn tập sau mỗi chủ điểm/ bài học.

Để bám sát mục tiêu dạy học phát triển năng lực, các hoạt động trong KHBD phát triển năng lực cần được tổ chức sao cho HS là người trực tiếp thực hiện các hoạt động và học hỏi thông qua việc làm nhiệm vụ, hợp tác, giao tiếp với các thành viên khác trong lớp học (các HS khác, GV). Vai trò của GV là người tổ chức hoạt động, hướng dẫn, định hướng để HS tự mình tìm ra tri thức, hình thành kỹ năng. Định hướng này được thể hiện qua việc:

– *Thiết kế hoạt động xác định nhiệm vụ học tập ở hoạt động mở đầu*: giúp HS có cái nhìn tổng quan về nội dung bài học, về những nhiệm vụ cần thực hiện, hoạt động này giúp cho các em chủ động trong giờ học, có thể theo dõi được mức độ tiếp thu của bản thân thông qua việc tự đánh giá kết quả hoạt động của mình. Hoạt động này xác định tâm thế học tập quan trọng của dạy học phát triển năng lực: tất cả các thành viên trong lớp học cùng tham gia kiến tạo tri thức, kết quả của giờ học là sản phẩm của trí tuệ tập thể, cả của HS (vai trò trung tâm) và của GV (vai trò tổ chức, hướng dẫn).

– *Mỗi nhiệm vụ học tập cần được gắn với một mục tiêu cụ thể*: giúp hoạt động đi đúng hướng, nhằm đáp ứng mục tiêu cần đạt của bài học, giúp GV và HS định lượng mức độ đạt được của mục tiêu sau khi thực hiện hoạt động.

– *Mỗi nhiệm vụ học tập cần được gắn với sản phẩm cụ thể*: sản phẩm là những gì HS làm được trong quá trình học tập, không nhất thiết phải là những sản phẩm công phu, phức tạp như bức tranh, mô hình, bài thuyết trình, mà ngay cả những điều

nhỏ nhất như câu trả lời của HS, câu hỏi HS đặt ra, kết quả của hoạt động thảo luận,... cũng được tính là sản phẩm. Sản phẩm của hoạt động chính là một kênh minh chứng quan trọng để đo được năng lực của HS.

– *Mỗi hoạt động trong kết hoạch bài dạy được thiết kế theo tiến trình giao nhiệm vụ học tập → thực hiện nhiệm vụ học tập → báo cáo kết quả nhiệm vụ học tập → kết luận, nhận định:* giúp làm bật vai trò, hoạt động cụ thể của GV và HS trong từng giai đoạn tổ chức hoạt động.

2. BÀI SOẠN MINH HOẠ

Mỗi bài học của Ngữ văn 9 (Bộ sách *Chân trời sáng tạo*) được thiết kế thành năm KHBD: đọc, thực hành tiếng Việt, viết, nói, nghe và ôn tập. Dưới đây là KHBD phần Đọc của Bài 7 (*Hành trình khám phá sự thật*) và phần Nói và nghe của Bài 3 (*Những di tích lịch sử và danh thắng*).

Bài 7. HÀNH TRÌNH KHÁM PHÁ SỰ THẬT

(Truyện trinh thám – 13 tiết)

(Đọc, Thực hành tiếng Việt: 9 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 1 tiết)

DẠY ĐỌC

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC TRUYỆN TRINH THÁM

CHIẾC MŨ MIỆN DÁT ĐÁ BE-RÔ

NGÔI MỘ CỔ

Thời gian thực hiện: 5 tiết

I. MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.

– Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

– Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

1.2. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

2. Phẩm chất

Tôn trọng sự thật, có tinh thần đấu tranh cho lẽ phải.

II. KIẾN THỨC

– Khái niệm truyện trinh thám.

– Một số đặc điểm của truyện trinh thám: Không gian, thời gian, cốt truyện, sự kiện, nhân vật, nhân vật chính, lời người kể chuyện, lời đối thoại, lời độc thoại nội tâm.

– Cách đọc VB truyện trinh thám theo đặc điểm của thể loại.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Tùy điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).
- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.
- Phiếu học tập, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

Hoạt động 1: Giới thiệu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học

a. Mục tiêu:

- Bước đầu nhận ra được ý nghĩa của chủ điểm.
- Xác định được thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về tên chủ điểm, câu hỏi lớn của bài học và thể loại sẽ học.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo hình thức cá nhân, trả lời các câu hỏi sau:

- Tên chủ điểm *Hành trình khám phá sự thật* gợi cho em suy nghĩ gì?
- Để khám phá sự thật, cần có những phẩm chất và kĩ năng nào?
- Theo em, truyện trinh thám thường kể về điều gì?

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

* *Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày ý kiến, các HS khác bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp các ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học.

Hoạt động 2: Xác định nhiệm vụ học tập phần Đọc

a. Mục tiêu: Nhận biết nhiệm vụ học tập phần Đọc.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập phần Đọc.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc ba chấm tròn đầu tiên trong khung *Yêu cầu cần đạt* trong SGK, đọc lướt tên các VB 1, 2, 3, 4 và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ học tập chính của các em về Đọc ở bài học này là gì? Việc đọc hiểu các VB nào sẽ giúp em thực hiện được các nhiệm vụ đó?

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.

* *Báo cáo, thảo luận:* 2 đến 3 HS trả lời, HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về câu trả lời của HS và kết luận:

– Qua việc đọc VB 1 (*Chiếc mũ miện dát đá be-rô*), VB 2 (*Ngôi mộ cổ*), VB 4 (*Kẻ sát nhân lộ diện*), chúng ta sẽ học được kĩ năng đọc truyện trinh thám.

– Qua việc đọc VB 3 (*Cách suy luận*), chúng ta sẽ hiểu thêm về chủ điểm *Hành trình khám phá sự thật*, đồng thời có thêm thông tin để trả lời câu hỏi lớn đầu bài học: Để khám phá sự thật, cần có những phẩm chất và kĩ năng gì?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động giới thiệu *Tri thức Ngữ văn* (phần tri thức đọc hiểu)

1.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về truyện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về truyện.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* Kể tên một số VB truyện mà em đã học ở lớp 6, lớp 7, lớp 8 và học kì I của lớp 9. Những truyện đó có các đặc điểm chung nào?

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận theo nhóm đôi, trả lời câu hỏi.

* *Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 nhóm HS phát biểu, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* Tổng hợp ý kiến của các nhóm, GV nhắc lại một số truyện mà HS đã học ở các lớp dưới: *Thánh Gióng*, *Sọ Dừa* (lớp 6), *Tuổi thơ tôi*, *Dòng “Sông Đen”* (lớp 7), *Vắt cổ chày ra nước* (lớp 8), *Chuyện người con gái Nam Xương*, *Truyện Lục Vân Tiên* (lớp 9),... Sau đó, GV nêu một số đặc điểm của truyện: Có nhân vật, sự kiện, cốt truyện, lời người kể chuyện,...

1.2. Hoạt động tìm hiểu *Tri thức Ngữ văn*: Đặc điểm thể loại truyện trình thám

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trình thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.

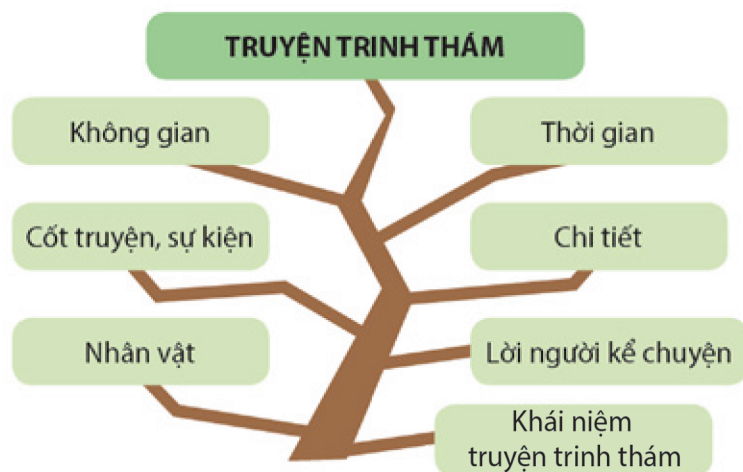
b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập*: GV phát cho mỗi nhóm một tờ stick-note, yêu cầu:

(1) Các nhóm đọc phần *Tri thức Ngữ văn* trong SGK: Nhóm 1: Đọc định nghĩa về truyện trình thám; nhóm 2: đọc phần viết về không gian trong truyện trình thám; nhóm 3: thời gian trong truyện trình thám; nhóm 4: cốt truyện, sự kiện trong truyện trình thám; nhóm 5: chi tiết trong truyện trình thám; nhóm 6: nhân vật trong truyện trình thám; nhóm 7: lời người kể chuyện trong truyện trình thám.

(2) Xác định các từ khoá của từng mục, ghi vào một tờ giấy stick-note và dán vào từng khung của sơ đồ mà GV đã vẽ trên bảng:



* *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận*: các nhóm dán stick-note vào sơ đồ.

* *Kết luận, nhận định*: Dựa trên sản phẩm của các nhóm và dựa vào SGK, GV làm rõ khái niệm và đặc điểm của truyện trình thám.

Lưu ý: Khi dạy đọc hiểu các VB 1, 2, 4, GV cần thường xuyên nhắc lại những đặc điểm này để giúp HS khắc sâu kiến thức về thể loại truyện trình thám qua các VB cụ thể.

2. Hoạt động đọc văn bản 1: *Chiếc mũ miện dát đá be-rô*

2.1. Chuẩn bị đọc

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về phẩm chất của một thám tử.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS trả lời câu hỏi *Chuẩn bị đọc* trong SGK.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Hai HS trao đổi với nhau để tìm câu trả lời.

* *Báo cáo, thảo luận:* Mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* *Kết luận, nhận định:* Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học.

Lưu ý: Đây là câu hỏi mở, HS có thể có những câu trả lời khác nhau, GV không nên đánh giá đúng/ sai.

2.2. Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu:

– Đọc diễn cảm, thể hiện được sự bình tĩnh của nhân vật thám tử Hô-m, tâm trạng hốt hoảng, lo sợ, vui sướng của nhân vật ông chủ nhà băng Hôn-đơ.

– Thực hiện được kĩ năng dự đoán, suy luận trong quá trình đọc VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) HS trả lời câu hỏi: Theo em, vì sao cần dự đoán, suy luận khi đọc VB truyện nói chung, truyện trinh thám nói riêng?

(2) Đọc diễn cảm VB. Trước khi HS đọc diễn cảm, GV chiếu lên màn hình bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm:

BẢNG KIỂM KĨ NĂNG ĐỌC DIỄN CẢM

Tiêu chí	Có	Không
Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ		
Ngắt giọng phù hợp, thể hiện đúng nhịp điệu câu văn		
Thể hiện được các trạng thái, cảm xúc của các nhân vật		

(3) Ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi dự đoán, suy luận trong SGK.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

* **Báo cáo, thảo luận:** Đại diện nhóm HS trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* **Kết luận, nhận định:**

(1) Truyện trinh thám có nhiều tình tiết li kì, diễn biến bất ngờ, vì thế, người đọc cần thường xuyên sử dụng kỹ năng dự đoán để đoán biết diễn biến câu chuyện. Những bí mật trong truyện trinh thám được giữ kín đến cuối truyện nên người đọc cần suy luận dựa trên những thông tin được nêu trong truyện.

(2) GV nhận xét về kỹ năng đọc diễn cảm của HS.

(3) GV ghi nhận dự đoán, suy luận của HS; sau đó có thể chia sẻ những dự đoán, suy luận của bản thân với các em.

Lưu ý: GV có thể hướng dẫn HS tập đọc diễn cảm VB ở nhà.

2.3. Suy ngẫm và phản hồi

2.3.1. Tìm hiểu nội dung bao quát và cốt truyện

a. Mục tiêu: Nhận biết cốt truyện và nêu được nội dung bao quát của đoạn trích.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho câu 1 trong SGK.

c. Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Thảo luận nhóm, thực hiện hai nhiệm vụ sau:

(1) Đọc sơ đồ sau và xác định đoạn trích trong SGK thuộc phần được đánh số mấy:

1. Một nhà quý tộc vay ông chủ nhà băng Hôn-đơ 50 000 bảng và để lại chiếc mũ miện làm vật tín chấp.



2. Hôn-đơ đem chiếc mũ về nhà, cất ở phòng thay đồ và nói cho con trai A-thơ, cháu gái Me-ry biết.



3. A-thơ (đam mê cờ bạc) hỏi xin cha 200 bảng nhưng Hôn-đơ không đồng ý.

5. 2 giờ sáng, Hôn-đơ bị đánh thức bởi tiếng động và thấy A-thơ đang cầm chiếc mũ miện đã bị mất ba viên đá.



6. Hôn-đơ báo cảnh sát. Cảnh sát không tìm thấy ba viên đá và bắt giam A-thơ.



7. Hôn-đơ thuê thám tử Sơ-lốc Hôn điều tra.



4. Trước khi đi ngủ, Hôn-đơ thấy Me-ry đóng cửa, cô nói rằng cô thấy Lu-xi (cô hầu) ra ngoài bằng lối cửa sau để gặp ai đó.



8. Thám tử Hòm điều tra và tìm ra thủ phạm là Me-ry và Gioóc Bơn-queo, lấy lại ba viên đá quý cho Hôn-đơ.

(2) Đọc đoạn trích và nêu nội dung bao quát của đoạn trích (câu 1 trong SGK).

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: 4 – 5 HS/ nhóm thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận*: Các nhóm trả lời câu hỏi.

* *Kết luận, nhận định*: GV bổ sung câu trả lời của HS dựa trên định hướng sau:

(1) Đoạn trích trong SGK thuộc phần được đánh số 8 trong sơ đồ.

(2) **Câu 1**: Đoạn trích tái hiện lại toàn cảnh vụ trộm chiếc mũ miện ở nhà Hôn-đơ theo lời kể của Hòm sau khi điều tra vụ án.

2.3.2. Tìm hiểu các chi tiết, sự kiện, nhân vật, không gian, thời gian

a. Mục tiêu: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập*: Trả lời câu 2 và câu 4 trong SGK.

(1) Để trả lời cho câu 2, các nhóm HS đọc lại VB, đọc lại định nghĩa về chi tiết trong truyện trinh thám (mục *Tri thức Ngữ văn* trong SGK); sau đó tìm một số chi tiết gắn với các tình huống, có tác dụng giúp thám tử Hòm phán đoán, suy luận về vụ trộm, kẻ trộm và điền vào bảng sau:

Một số chi tiết – manh mối của vụ án	Ý nghĩa của chi tiết đối với việc phá án
...	...

(2) Để trả lời cho câu 4: HS đọc lại *Tri thức Ngữ văn* về đặc điểm của không gian, thời gian trong truyện trinh thám, sau đó đối chiếu với không gian, thời gian trong truyện để tìm ra tác động của các yếu tố này đến quá trình phá án của Hòm.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: Nhóm hai HS thực hiện.

* *Báo cáo, thảo luận*: Hai nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.

* *Kết luận, nhận định*: GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng, sau đó bổ sung định hướng sau:

(1) **Câu 2:** Một số chi tiết và ý nghĩa của chúng đối với việc phá án:

Một số chi tiết – manh mối của vụ án	Ý nghĩa của chi tiết đối với việc phá án
Ông Hôn-đơ cho con trai A-thơ và cháu gái Me-ry biết chỗ cất giấu chiếc mũ	Thủ phạm chỉ có thể là A-thơ hoặc Me-ry
A-thơ si mê Me-ry nhưng Me-ry không đáp lại tình cảm của A-thơ	A-thơ có thể sẽ bênh vực Me-ry nếu phát hiện Me-ry phạm tội
A-thơ mê cờ bạc và đang nợ nần, giao du với Gioóc Bơn-queo	A-thơ cần tiền nên có thấy lấy cắp chiếc mũ miện
Ông Hôn-đơ phát hiện A-thơ cầm trên tay chiếc mũ miện bị cong	Chiếc mũ miện bị cong có thể là do A-thơ giành giật với ai đó
Me-ry bỏ nhà ra đi và để lại lá thư, trong đó có câu "Bác đừng lo lắng về tương lai của cháu vì nó đã được lo liệu đầy đủ"	Ai sẽ lo liệu đầy đủ cho tương lai của cô và lo liệu dựa trên nguồn tiền nào?
Những dấu chân của ai đó in trên tuyết	Dấu chân đó có thể là của kẻ đã lấy trộm chiếc mũ

(2) **Câu 4:** Không gian: Vụ án xảy ra trong khuôn viên gia đình Hôn-đơ; thời gian vụ án xảy ra trong đêm có tuyết rơi, tang vật của vụ án là chiếc mũ miện quý giá được một người đàn ông quý tộc dùng làm vật tín chấp trong một thời gian ngắn để vay một số tiền lớn. Những yếu tố trên đã tác động mạnh đến quá trình điều tra của Hô-m, cụ thể là giúp Hô-m khoanh vùng điều tra trong khuôn viên gia đình Hôn-đơ, đồng thời buộc Hô-m phải tìm ra thủ phạm trong thời gian ngắn nhất, nếu không những dấu chân sẽ bị tuyết rơi phủ lên hoặc tuyết tan làm mất đi và uy tín của ông chủ nhà băng Hôn-đơ sẽ bị ảnh hưởng nặng nề, thậm chí ngân hàng của ông có thể bị phá sản.

2.3.3. Tìm hiểu nhân vật, nhân vật chính, lời nhân vật, lời người kể chuyện**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện trinh thám như: Cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện.
- Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật, lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện.
- Bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhân vật, nhân vật chính, lời nhân vật, lời người kể chuyện.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* Thảo luận nhóm, trả lời câu 3, 5, 6 trong SGK.

(1) **Câu 3:** HS đọc lại tri thức đọc hiểu về nhân vật trong truyện trinh thám, sau đó, tìm các chi tiết miêu tả Sơ-lốc Hôm và rút ra nhận xét.

(2) **Câu 5:** HS nhớ lại tri thức đọc hiểu về lời người kể chuyện và lời nhân vật, sau đó, đọc kĩ đoạn văn đã cho trong SGK và xác định đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật.

(3) **Câu 6:** HS đọc lại phần đầu đoạn trích và thực hiện yêu cầu của câu này.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Nhóm 4 – 5 HS/ nhóm thảo luận.

* *Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng, sau đó bổ sung như sau:

(1) **Câu 3:** Nhân vật Sơ-lốc Hôm thể hiện đầy đủ các đặc điểm của nhân vật trong truyện trinh thám: Kỹ thuật điều tra vượt trội, khả năng quan sát tinh tường, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào, khả năng lập luận, đánh giá sắc bén. Một số chi tiết tiêu biểu thể hiện các đặc điểm này:

– Chi tiết Me-ry bỏ đi và để lại lá thư: Trong khi Hôn-đơ lo lắng việc Me-ry có thể tự tử thì Hôm khẳng định việc Me-ry trốn đi là “giải pháp tốt nhất” cho cô ta bởi ông đã nhận ra sự bất thường trong hành động của Me-ry: được bác tin tưởng đến mức cho biết cả chỗ giấu chiếc mũ miện nhưng khi chiếc mũ bị mất thì đột ngột bỏ đi. Vậy, người lấy chiếc mũ miện có thể là Me-ry.

– Hôm quan sát rất kĩ các dấu chân in sâu trên tuyết ở cửa và những dấu chân để lại trên đường: Hôm suy luận rằng có một kẻ nào đó đã thông đồng với Me-ry và Me-ry đã lấy chiếc mũ miện đưa cho hắn.

– Việc A-thơ giao du với nhóm Huân tước Bơn-queo cũng là chi tiết mà Hôm không bỏ qua, ông đã điều tra về thân thế, tính cách của Bơn-queo, mua lại chiếc giày của Bơn-queo và đem ướm vào dấu giày trong vườn nhà Hôn-đơ; việc Bơn-queo đã từng đến nhà Hôm, việc Me-ry từ chối tình yêu của A- thơ đã giúp Hôm suy luận về mối quan hệ giữa Me-ry và Bơn-queo, khẳng định những dấu chân ở cửa là của Bơn-queo, những dấu chân trên đường là dấu chân của Bơn-queo và của A-thơ khi anh đuổi theo Bơn-queo.

– Chi tiết chiếc mũ miện bị bẻ cong cho thấy nó đã bị giằng co giữa hai người: A-thơ và Bơn-queo khi A-thơ đuổi theo Bơn-queo để giành lại chiếc mũ miện.

– Kết nối việc A-thơ chứng kiến Me-ry lấy trộm mũ miện nhưng không nói với cha mình với việc A-thơ si mê Me-ry nhưng không được đáp lại đã giúp Hôm kết luận: Vì giận cha đã nghi oan cho mình và vì hào hiệp, A-thơ đã không nói với cha thủ phạm lấy cắp chiếc mũ miện.

Có thể nói, khả năng quan sát, điều tra kỹ lưỡng, không bỏ sót bất cứ một tiểu tiết nào cùng với tài suy luận, phán đoán chính xác đã giúp Hôm nhanh chóng tìm ra thủ phạm của vụ án.

(2) Câu 5:

– Lời người kể chuyện: *Không biết là mấy giờ anh mới về, nhưng sáng hôm sau, khi tôi xuống nhà để dùng bữa điểm tâm thì anh đã có mặt ở đó, một tay cầm tách cà phê còn tay kia cầm tờ báo, trông rất tươi tỉnh và gọn gàng; anh nói.*

– Lời của nhân vật (nhân vật Hôm): *“Xin lỗi vì đã bắt đầu bữa sáng mà không đợi anh, Oát-sân”; “nhưng anh hãy nhớ rằng ta có một cái hẹn khá sớm với thân chủ của ta vào sáng nay”.*

GV lưu ý HS: Dùng dấu ngoặc kép để phân định lời đối thoại giữa hai nhân vật mà không dùng dấu gạch đầu dòng như các truyện khác là cách thể hiện đối thoại giữa các nhân vật của nhà văn Cô-nan Đoi-lơ trong truyện này.

(3) **Câu 6:** Câu chuyện được kể bằng lời của bác sĩ Oát-sân, bạn của thám tử Hôm, một nhân vật trong truyện và là người chứng kiến toàn bộ quá trình phá án của Hôm. Việc sử dụng ngôi kể này (ngôi thứ nhất, xưng “tôi”) có tác dụng làm tăng tính chân thực cho câu chuyện.

2.3.4. Liên hệ, so sánh

a. Mục tiêu: Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho câu 7 trong SGK.

c. Tổ chức thực hiện:

* **Giao nhiệm vụ học tập:** Chia lớp làm hai nhóm, nhóm đồng ý với nhận xét A-thơ là chàng trai cao thượng, hào hiệp của thám tử Hôm, nhóm không đồng ý với nhận xét này. Sau đó, GV mời một số HS đại diện cho hai nhóm tranh luận với nhau.

* **Thực hiện nhiệm vụ học tập:** 4 HS đại diện cho hai nhóm tranh luận trước lớp.

* **Kết luận, nhận định:** Đây là câu hỏi mở, sẽ có các câu trả lời khác nhau tùy vào góc nhìn, quan điểm của từng HS, điều quan trọng là HS lập luận, lí giải được cho quan điểm của mình. Vì thế, GV không nên áp đặt câu trả lời. GV cũng cần chia sẻ với HS quan điểm của chính mình để góp phần định hướng cho các em.

2.4. Khái quát đặc điểm thể loại và hướng dẫn đọc văn bản 2: *Ngôi mộ cổ*

a. Mục tiêu:

– Khái quát được những đặc điểm của truyện trinh thám thể hiện qua VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô*.

– Thực hiện được các nhiệm vụ đọc ở nhà VB *Ngôi mộ cổ*.

b. Sản phẩm: Câu trả lời về nhiệm vụ học tập đã thực hiện trên lớp và ở nhà.

c. Tổ chức thực hiện:

Khái quát đặc điểm của truyện trinh thám.

* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Tóm tắt đặc điểm của truyện trinh thám

Tên học sinh:

Lớp:

Điền vào bảng sau những đặc điểm của thể loại truyện trinh thám (cột 1), sự thể hiện những đặc điểm đó trong VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô* (cột 2):

Đặc điểm của truyện trinh thám	Thể hiện qua VB <i>Chiếc mũ miện dát đá be-rô</i>
Không gian, thời gian:	...
Cốt truyện, sự kiện:	...
Chi tiết:	...
Nhân vật chính:	...
Lời người kể chuyện:	...
Lời đối thoại:	...

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện ở nhà, sau đó đến lớp thảo luận với bạn để hoàn chỉnh nội dung phiếu học tập.

* *Báo cáo, thảo luận:* GV mời một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm.

* *Kết luận, nhận định:*

GV hướng dẫn HS đọc lại phần *Tri thức Ngữ văn* để hoàn thành cột 1. Đối với cột 2, dựa trên những ý kiến của HS, GV hướng dẫn HS các ý sau:

Đặc điểm của truyện trinh thám	Thể hiện qua VB <i>Chiếc mũ miện dát đá be-rô</i>
Không gian, thời gian:	– Không gian xảy ra vụ án: Khuôn viên gia đình Hôn-đơ – Thời gian xảy ra vụ án: Trong một đêm có tuyết rơi Những điều này buộc Hôm phải tìm ra thủ phạm trong thời gian ngắn nhất, nếu không những dấu chân sẽ bị tuyết rơi hoặc tuyết tan làm mất đi
Cốt truyện, sự kiện:	– Cốt truyện xoay quanh quá trình truy tìm chiếc mũ miện bị mất – Sự kiện: + Ông Hôn-đơ bị mất chiếc mũ miện của một khách hàng gửi làm vật tín chấp tại ngân hàng + Hôn-đơ nhờ Hôm điều tra. + Hôm gửi lại cho ông Hôn-đơ những viên đá quý bị mất và kể lại quá trình phá án
Chi tiết:	Một số chi tiết quan trọng giúp làm sáng tỏ vụ án : – Ông Hôn-đơ cho con trai A-thơ và cháu gái Me-ry biết chỗ cất giấu chiếc mũ – A-thơ si mê Me-ry nhưng Me-ry không đáp lại tình cảm của A-thơ – A-thơ mê cờ bạc và đang nợ nần, giao du với Gioóc Bơ-queo – Ông Hôn-đơ phát hiện A-thơ cầm trên tay chiếc mũ miện bị cong – Me-ry bất ngờ bỏ đi và lá thư xin lỗi của cô cho thấy cô có thể liên quan đến vụ trộm – Các dấu chân in sâu trên tuyết ở cửa và những dấu chân để lại trên đường

Nhân vật chính:	Sơ-lốc Hòm, nhân vật hội tụ đầy đủ các đặc điểm của người thám tử trong truyện trinh thám: Kỹ thuật điều tra vượt trội, khả năng quan sát tinh tường, không bỏ sót bất cứ chi tiết nào, khả năng lập luận, đánh giá sắc bén
Lời người kể chuyện :	Lời người kể chuyện (nhân vật bác sĩ Oát-sân) thể hiện tiến trình dẫn dắt câu chuyện như: "Khi tôi vừa xong bữa trà chiều thì anh trở về"; "anh nói",...
Lời đối thoại:	Lời đối thoại giữa nhân vật Hòm và ông Hôn-đơ (được đặt trong dấu ngoặc kép thay vì dấu gạch đầu dòng) đã góp phần mở ra những manh mối của vụ án

Hướng dẫn chuẩn bị đọc hiểu VB “Ngôi mộ cổ”

* *Giao nhiệm vụ học tập*: HS về nhà thực hiện các nhiệm vụ sau để chuẩn bị cho tiết học tiếp theo về VB *Ngôi mộ cổ*:

(1) Trước khi đọc VB, cần đọc kỹ phần tóm tắt truyện *Kho tàng họ Đặng* trong SGK.

(2) Đọc trực tiếp VB, trong quá trình đọc lần đầu, trả lời các câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB* theo phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc VB *Ngôi mộ cổ*, trong quá trình đọc, chú ý đến câu hỏi trong khung và kí hiệu  trong SGK, hoàn thành các cột 1, 2, 3 trong bảng sau:

Câu hỏi (1)	Kỹ năng đọc (2)	Trả lời của tôi (3)	Trao đổi của bạn (4)
1 (SGK, tr. 41)	...	...	...

Lưu ý: Phần trao đổi với bạn (cột 4) sẽ thực hiện trên lớp vào tiết học sau.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập*: HS thực hiện ở nhà.

* *Báo cáo, thảo luận và Kết luận, nhận định*: Thực hiện trên lớp ở tiết học tiếp theo.

3. HOẠT ĐỘNG ĐỌC VĂN BẢN 2: NGÔI MỘ CỔ

3.1. Chuẩn bị đọc

a. Mục tiêu: Hệ thống hoá các sự kiện đã xảy ra trước đoạn trích *Ngôi mộ cổ*.

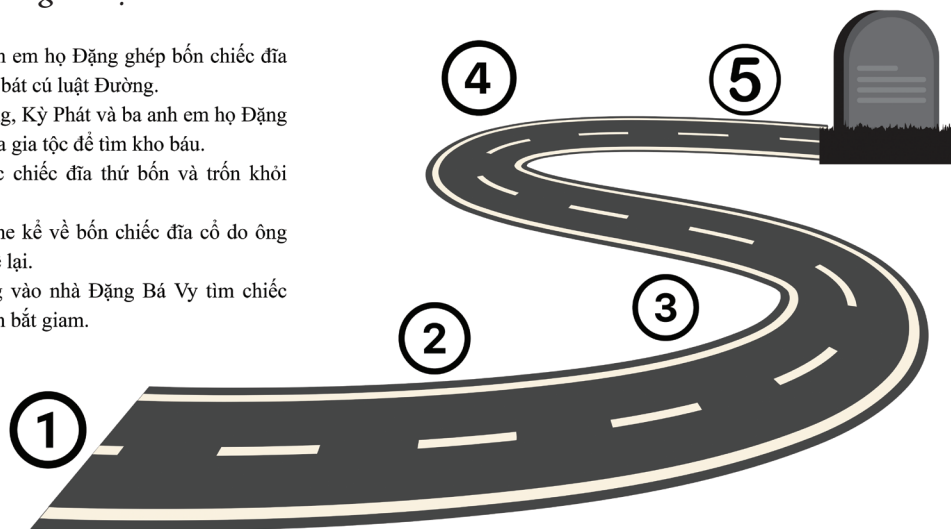
b. Sản phẩm: Kết quả trò chơi *Đường đến ngôi mộ cổ* của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

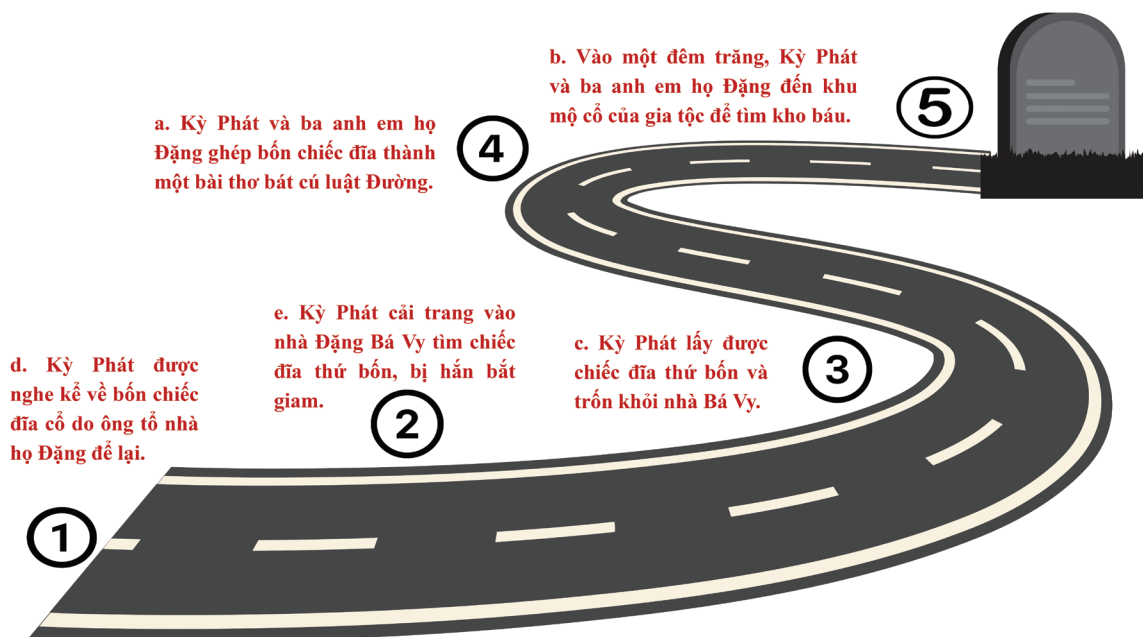
* *Giao nhiệm vụ học tập:* Các nhóm HS đọc khung tóm tắt VB và sắp xếp các sự kiện theo đúng trình tự để nhớ lại hành trình tìm kiếm kho báu của anh em nhà họ Đặng và thám tử Kỳ Phát.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận và sắp xếp thông tin đúng trong trò chơi *Đường đến ngôi mộ cổ*.

- Kỳ Phát và ba anh em họ Đặng ghép bốn chiếc đĩa thành một bài thơ bát cú luật Đường.
- Vào một đêm trăng, Kỳ Phát và ba anh em họ Đặng đến khu mộ cổ của gia tộc để tìm kho báu.
- Kỳ Phát lấy được chiếc đĩa thứ bốn và trốn khỏi nhà Bá Vỵ.
- Kỳ Phát được nghe kể về bốn chiếc đĩa cổ do ông tổ nhà họ Đặng để lại.
- Kỳ Phát cải trang vào nhà Đặng Bá Vỵ tìm chiếc đĩa thứ bốn, bị hấn bắt giam.



* *Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm HS trao đổi từ kết quả, GV chiếu/ công bố đáp án, các nhóm thực hiện chấm chéo cho nhau (1 đáp án đúng = 1 điểm cộng).



* *Kết luận, nhận định:* GV dẫn dắt vào bài.

3.2. Trải nghiệm cùng văn bản

a. Mục tiêu:

- Thực hành đọc diễn cảm VB.
- Chia sẻ kết quả thực hiện của nội dung *Trải nghiệm cùng VB*.

b. Sản phẩm: Phiếu học tập với đầy đủ thông tin cho 4 cột.

c. Tổ chức thực hiện:

- * *Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc phân vai VB; trả lời câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB*.
- * *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- * *Báo cáo, thảo luận:* Các HS phân vai để đọc; HS khác thực hiện các yêu cầu của câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* (cá nhân thực hiện).
- * *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về kết quả đọc phân vai của HS; GV góp ý cho câu trả lời câu hỏi *Trải nghiệm cùng VB* của HS, nhận xét về cách HS thực hiện kĩ năng dự đoán.

3.3. Suy ngẫm và phản hồi

3.3.1. Nội dung bao quát của văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được nội dung bao quát của VB *Ngôi mộ cổ*.

b. Sản phẩm: Nội dung câu trả lời của HS (câu 1 trong SGK).

c. Tổ chức thực hiện:

- * *Giao nhiệm vụ học tập:* Trả lời câu 1 trong SGK.
- * *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS thảo luận theo các bước sau để xác định nội dung bao quát của VB:
 - Liệt kê các sự kiện, chi tiết trong VB.
 - Chọn lọc một số sự kiện, chi tiết tiêu biểu.
 - Viết lại thành câu văn ngắn gọn nêu nội dung bao quát của VB. Gợi ý: HS có thể viết bằng cấu trúc câu “Ngôi mộ cổ kể về...”.
- * *Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.
- * *Kết luận, nhận định:*

Câu 1: *Ngôi mộ cổ* kể về hành trình đến khu mộ cổ của thám tử Kỳ Phát cùng ba trưởng ngành nhà họ Đặng. Họ giải mã nội dung của các câu thơ trong bài thơ luật Đường (được khắc ở đáy bốn chiếc đĩa cổ mà ông tổ họ Đặng để lại), tìm thấy đường vào khu mộ – nơi cất giấu kho báu của gia tộc.

3.3.2. Tìm hiểu chi tiết và nhân vật

a. Mục tiêu: Phân tích được chi tiết tiêu biểu; phân tích được đặc điểm nhân vật truyện trinh thám trong tính chỉnh thể của VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời cho câu 2, 3 trong SGK.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Đọc lại VB, trả lời câu 2 trong SGK. *Gợi ý:* HS cần liệt kê các chi tiết xảy ra trong tiến trình đi tìm kho báu của Kỳ Phát, từ đó, xác định chi tiết quan trọng giúp Kỳ Phát phán đoán hướng tìm kho báu.

(2) Trả lời câu 3 trong SGK về nhân vật thám tử Kỳ Phát bằng cách hoàn thành phiếu học tập sau đây:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đặc điểm nhân vật thám tử trong truyện trinh thám	Sự thể hiện của Kỳ Phát	Nhận xét chung về nhân vật Kỳ Phát
Kĩ thuật điều tra	...	...
Khả năng quan sát tinh tường	...	
Khả năng phân tích, suy luận sắc bén	...	

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận nhóm (khoảng 4 – 5 thành viên/nhóm).

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện nhóm trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS, bổ sung:

(1) **Câu 2:**

– Chi tiết giúp Kỳ Phát phán đoán hướng tìm kho báu: Nội dung các câu thơ trong bài thơ thất ngôn bát cú được ghép từ hai câu thơ in trên bốn chiếc đĩa cổ. Cụ thể:

+ Câu thơ thứ nhất: Xác định địa điểm cất giữ kho báu (bãi bể Văn Lý).

+ Câu 2, 3, 4: Bước bảy bước từ cái cây để thấy được “nguyệt lão giấu mình” và xác định được hai hướng tả – hữu từ hai cành cây đâm ra theo hai hướng đông – tây. Dùng quả dọi để xác định hướng thẳng xuống đất từ hai cành cây ấy.

+ Câu 5, 6: Bước 22 bước từ cành bên đông, bước 100 giây từ cành bên tây.

+ Câu 7, 8: Đánh dấu hai điểm đông – tây, nối lại với nhau, đo từ chỗ đánh dấu theo đường thẳng 100 trượng chính là lối xuống hầm mộ có kho báu.

Trong quá trình phán đoán, Kỳ Phát lí giải đúng ý nghĩa của câu thơ khó hiểu nhất *Tây một trăm giây thẳng một dây* là đi về hướng tây trong vòng 100 giây đồng hồ. Đây là chi tiết thách thức sự suy đoán khiến ba anh em nhà họ Đặng bế tắc,

không lí giải được “một trăm giây” có nghĩa là gì (lưu ý câu thơ trước đó tính khoảng cách bằng bước chân). Để hiểu đúng được “một trăm giây” có nghĩa là giây đồng hồ, Kỳ Phát đã liên tưởng, kết nối quá trình ông tổ họ Đặng cất giấu kho báu và vai trò tư vấn, chỉ dẫn của viên cố đạo người Tây phương (lời của Kỳ Phát nói với Liên Ty: “Ông quên rằng chính Mác-cô Pô-lô một người Âu đã bày cho Đinh Cung Viên cách giấu của này rồi ư?”).

GV lưu ý: Ở chương trước đó, tác giả kể lại việc thám tử Kỳ Phát cất công tra cứu về ông tổ họ Đặng. Nhờ đó, chàng biết rằng: Ông tổ họ Đặng là Đinh Cung Viên được ban thưởng rất nhiều châu báu khi đi sứ ở Trung Quốc. Ông ta chôn của cải cho con cháu đời sau. Ông nhờ Mác-cô Pô-lô (một cố đạo người Âu) bày cách vẽ bản đồ kho báu. Mác-cô Pô-lô thuê một lò gốm sứ làm bốn chiếc đĩa để cất giấu bản đồ chỉ dẫn nên ông ta cho khắc tên của mình ở đáy đĩa (chữ M viết theo lối chữ triện cổ, nên dễ bị nhầm lẫn là con dấu).

(2) Câu 3:

Đặc điểm nhân vật thám tử trong truyện trinh thám	Bằng chứng	Nhận xét
Kĩ thuật điều tra vượt trội	– Điều tra sự thật việc Đặng Bá Vy giấu chiếc đĩa thứ tư, không muốn chia sẻ thông tin với anh em trong gia tộc – Sử dụng dây quả dọi từ hai cành cây hướng đông, tây để xác định vị trí dẫn đến kho báu	– Nhân vật Kỳ Phát thể hiện những đặc điểm của một thám tử tài năng trên các phương diện: khả năng suy luận, phán đoán, phân tích, sự dứt khoát trong hành động,...
Khả năng quan sát tinh tường, nhạy bén	– Quan sát không gian xung quanh khu mộ cổ, ghép nối các cảnh quan thực tế (bãi bể, cây, cành cây, trăng) với các chi tiết trong bài thơ luật Đường để tìm hướng đi đến hầm mộ – Quan sát từng dấu vết nhỏ trên đường vào hầm mộ, kể cả trong đêm tối. Từ đó, Kỳ Phát biết được Bá Vy cùng đồng bọn đã đến khu mộ trước, đưa vào vết chân còn mới mà họ để lại	– Nhân vật Kỳ Phát cũng bộc lộ những phẩm chất đáng quý như: dũng cảm, kiên trì, bền bỉ trước những thách thức, khó khăn trên hành trình đi tìm sự thật
Khả năng phân tích, suy luận sắc bén	– Phân tích, giải mã được các chi tiết mơ hồ, khó hiểu trong bài thơ như: “nguyệt lão giấu mình”, “xoay tả hữu”, “chạy đông tây”, “đông hai mươi bước thêm hai bước”. Nhờ vào quá trình suy luận logic mà Kỳ Phát xác định đúng đường vào hầm mộ	

	– Sắp xếp, tìm mối liên kết từ các chi tiết nhỏ nhất trong quá trình suy luận như: Tài sản của ông tổ họ Đặng, vai trò của viên cổ đạo người Pháp và câu thơ khó hiểu “Tây một trăm giây thẳng một dây” (giây: đơn vị tính thời gian của người phương Tây)	
--	--	--

3.3.3. Tìm hiểu lời người kể chuyện, lời nhân vật và ngôi kể

a. Mục tiêu: Nhận biết, nêu tác dụng của lời người kể chuyện, lời nhân vật và ngôi kể được sử dụng trong VB.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS cho các câu 4, 5 trong SGK.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) Đọc lại đối thoại giữa Kỳ Phát với ba anh em nhà họ Đặng về bí mật của bốn chiếc đĩa cổ và trả lời các yêu cầu trong câu 4.

Gợi ý: HS có thể sử dụng bút chì để đánh dấu lời người kể chuyện và lời nhân vật trong đoạn đối thoại.

(2) Xem lại *Tri thức Ngữ văn*, phần kiến thức về ngôi kể, đồng thời, so sánh với ngôi kể của VB *Chiếc mũ miện dát đá Be-rô* để trả lời câu 5.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS cùng thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* GV mời một số HS lên trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.

* *Kết luận, nhận định:*

(1) **Câu 4:**

a. Lời người kể chuyện, lời nhân vật trong cuộc đối thoại:

– Lời người kể chuyện:

+ *Chàng bỗng tự nhiên nói.*

+ *Rồi chàng hăng giọng ngâm to bài thơ bát cú.*

+ *Kỳ Phát chạy lại gốc, cởi áo ngoài rồi leo lên thoăn thoắt. Đến chạc hai cành cây ấy thì chàng ngồi nghỉ rồi leo ra một cành.*

+ *Kỳ Phát lại trèo sang cành cây thứ hai, rồi cũng dòng chùm chìa khoá xuống, Liên Ty lại lấy que đánh dấu.*

+ *Ra dáng ngẫm nghĩ, Liên Ty đếm từ chỗ đích thứ nhất bước về phía đông hai mươi hai bước.*

+ Kỳ Phát bèn cùng Liên Ty căng một chiếc dây thừng nối liền hai chỗ đánh dấu.

– Lời nhân vật:

+ Các ông “đứng ngắm cây” xem có thấy gì không?

+ Tôi để ý trăng bây giờ bị lấp sau thân cây.

+ Đó là “Nguyệt lão giấu mình”. Ngay chỗ bóng trăng bị lấp có hai cành cây đâm ra hai bên, hai bên tả hữu, các ông hiểu chưa? Các ông hãy nhận kĩ lấy hai cành cây ấy.

+ Phải rồi, cành bên Đông và cành bên Tây.

+ “Đông hai mươi bước thêm hai bước” tôi hiểu, nhưng “Tây một trăm giây thừng một dây” thì tôi chịu. Một trăm giây là gì?

+ Là một trăm giây đồng hồ, ông quên rằng chính Mác-cô Pô-lô một người Âu đã bày cho Đình Cử Viên cách giấu của này rồi ư?

– Tác dụng của việc sử dụng kết hợp lời người kể chuyện và lời nhân vật trong đoạn đối thoại trên:

+ Giúp mô tả cụ thể các hành động, sự việc diễn ra, khiến người đọc như được thấy tận mắt hành trình khám phá lối vào ngôi mộ cổ của Kỳ Phát và anh em nhà họ Đặng.

+ Giúp thể hiện suy nghĩ, đặc biệt là thể hiện quá trình tư duy, suy luận của Kỳ Phát khi giải mã bí ẩn của bài thơ luật Đường.

+ Giúp khẳng định vai trò định hướng, dẫn dắt của Kỳ Phát trong suốt tiến trình tìm kho báu.

b. Việc thám tử Kỳ Phát đọc to bài thơ thất ngôn bát cú có những tác dụng sau:

+ Giúp những người đi tìm kho báu bám sát các thông tin, từ ngữ trong bài thơ như một tấm bản đồ dẫn đường đến kho báu. Nội dung bài thơ chính là các manh mối về hướng đi (đông, tây, thẳng), về khoảng cách (7 bước chân, 20 bước chân, 100 giây bước chân) để đến kho báu nhà họ Đặng.

+ Giúp ba anh em họ Đặng cùng tham gia giải mã bí ẩn của bài thơ với Kỳ Phát. Chàng đọc to bài thơ cho mọi người nghe để mọi người suy ngẫm, liên kết các chi tiết thực tế trong không gian trước mắt, xác định đường đi.

+ Giúp tăng sự hứng thú, kịch tính, tạo nên một không khí bí ẩn xung quanh khu lăng mộ của gia tộc họ Đặng, một không gian chứa đầy bí mật về kho báu của cụ tổ.

+ Giúp khẳng định vai trò, tầm quan trọng của thám tử Kỳ Phát, chàng là người duy nhất có khả năng giải mã các manh mối trong bài thơ.

(2) Câu 5:

– Ngôi kể mà tác giả sử dụng trong VB *Ngôi mộ cổ*: Ngôi thứ ba, người kể chuyện khách quan, người đứng bên ngoài kể lại câu chuyện.

– Ưu thế của việc sử dụng ngôi kể số ba (trong sự so sánh với VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô* – dùng ngôi kể thứ nhất, người kể chuyện là nhân vật bác sĩ Oát-sân, người bạn và cũng là cộng sự phá án của thám tử Sơ-lốc Hòm):

+ Giúp tác giả kể chuyện, miêu tả nhân vật một cách khách quan, sinh động. Khi sử dụng ngôi kể thứ ba, người đọc sẽ được quan sát thám tử Kỳ Phát một cách khách quan, chứ không phải thông qua lăng kính chủ quan của người kể chuyện ngôi thứ nhất như VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô*. Từ đó, người đọc thấy được tài năng của Kỳ Phát cũng như sự hợp tác, hỗ trợ của những nhân vật phụ (ba anh em nhà họ Đặng) đã giúp sức cho Kỳ Phát tìm được đường vào hầm mộ. Họ là người thừa hưởng tài sản của cha ông để lại nhưng họ cũng có công trong việc đốc lòng tìm kiếm, khám phá.

+ Mang đến cho người đọc cảm giác như đang được tận mắt chứng kiến cảnh đi tìm kho báu. Điều này khác với VB *Chiếc mũ miện dát đá be-rô* người đọc không được tận mắt chứng kiến mà chỉ được nghe bác sĩ Oát-sân kể lại thông qua những gì Hòm kể với ông về hành trình phá án của mình.

3.4. Rút kinh nghiệm đọc thể loại truyện trinh thám

a. Mục tiêu: Rút ra được một số kinh nghiệm đọc truyện trinh thám.

b. Sản phẩm: Bảng tóm tắt những điểm lưu ý khi đọc truyện trinh thám.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:*

HS hoàn thành phiếu học tập sau để tổng hợp bài học kinh nghiệm khi đọc thể loại truyện trinh thám.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đặc điểm của truyện trinh thám	Cách đọc truyện trinh thám dựa trên đặc điểm thể loại
Không gian, thời gian	...
Cốt truyện, sự kiện	...
Chi tiết	...
Nhân vật	...
Lời người kể chuyện	...
Lời nhân vật (đối thoại, độc thoại nội tâm)	...

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* GV yêu cầu HS sau khi hoàn thành phiếu học tập sẽ đổi phiếu học tập cho bạn bên cạnh để cùng chỉnh sửa, góp ý kiến.

* *Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các HS và hướng dẫn HS tổng kết vấn đề theo định hướng tham khảo sau:

Đặc điểm của truyện trình thám	Cách đọc truyện trình thám dựa trên đặc điểm thể loại
Không gian, thời gian	– Xác định thời gian không gian diễn ra câu chuyện – Xác định bối cảnh xã hội liên quan đến câu chuyện – Chỉ ra được tác dụng của không gian, thời gian trong việc thúc đẩy tiến trình khám phá vụ án, tìm ra sự thật
Cốt truyện, sự kiện	– Tóm tắt các sự kiện chính trong cốt truyện – Nhận diện được vai trò của từng sự kiện theo tiến trình điều tra, sáng tỏ vụ án Vụ án xảy ra => Người điều tra tiến hành điều tra => Tình huống phức tạp bất ngờ xuất hiện => Cuộc điều tra gặp nhiều bế tắc => Thủ phạm cùng quá trình gây án bị vạch trần
Chi tiết	– Tìm các chi tiết đóng vai trò là mắt xích giúp thám tử phá án, dù là chi tiết nhỏ nhất – Phân tích được tác dụng của các chi tiết quan trọng trong hành trình khám phá sự thật của các nhân vật
Nhân vật	– Xác định nhân vật chính, nhân vật phụ – Xác định vai trò của các nhân vật trong truyện – Giải thích, phân tích được tiến trình phá án của nhân vật chính cùng những phẩm chất của một thám tử mà nhân vật đã thể hiện
Lời người kể chuyện và lời nhân vật	– Xác định lời người kể chuyện, lời nhân vật – Chỉ ra được vai trò của lời người kể chuyện trong quá trình dẫn dắt câu chuyện – Giải thích, phân tích được tác dụng của việc sử dụng đối thoại, độc thoại nội tâm (nếu có) trong lời nhân vật

– GV dặn dò HS cất giữ phiếu học tập trên vào hồ sơ học tập cá nhân để phục vụ cho việc ôn tập giữa kì và cuối kì.

BÀI 3. NHỮNG DI TÍCH LỊCH SỬ VÀ DANH THẮNG

(Văn bản thông tin – 13 tiết)

DAY NÓI VÀ NGHE

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE THUYẾT MINH VỀ MỘT DANH LAM THẮNG CẢNH HAY DI TÍCH LỊCH SỬ

Thời gian thực hiện: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

1. Năng lực

1.1. Năng lực đặc thù

Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh hoạ.

1.2. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

2. Phẩm chất

Cố gắng rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.

II. KIẾN THỨC CẦN DẠY

- Quy trình thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.
- Cách thức thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu, micro, bảng, phấn/ bút lông.
- SGK, SGV.
- Đồ vật minh hoạ, đoạn video clip, tranh ảnh,... (nếu cần).

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu:

- Kích hoạt kiến thức nền về kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.
- Xác định được những tình huống giao tiếp sử dụng kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS thảo luận và trả lời câu hỏi:

– Theo em, làm thế nào để thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử một cách hấp dẫn, sinh động?

– Trong thực tế cuộc sống, trong những tình huống nào chúng ta sẽ sử dụng kỹ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử?

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* 1 – 2 nhóm trả lời câu hỏi; các HS khác lắng nghe, nhận xét và nêu câu hỏi phản hồi (nếu có).

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và giới thiệu bài học.

2. Hoạt động xác định nhiệm vụ nói

a. Mục tiêu: Xác định được nhiệm vụ nói cần thực hiện trong bài học.

b. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ nói cần thực hiện trong bài học.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS đọc SGK và trả lời câu hỏi: Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động gì?

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét và nhắc lại nhiệm vụ nói:

Tình huống: Bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử của em được chọn để trình bày trong buổi trao giải cuộc thi “Danh thắng và di tích tôi yêu” do một tập chí du lịch tổ chức.

Nhiệm vụ: Em hãy chuyển bài viết thành bài nói để thuyết minh với người nghe về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động tìm hiểu cách thức thực hiện kỹ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử

a. Mục tiêu: Trình bày được cách thức thực hiện kỹ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

b. Sản phẩm: Câu trả lời miệng của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc nội dung hướng dẫn luyện tập kỹ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử trong SGK và thực hiện yêu cầu:

Quy trình thực hiện kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử gồm mấy bước? Trình bày cách thức thực hiện của từng bước.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi.

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và lưu ý các em: Quy trình thực hiện kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử gồm bốn bước: Chuẩn bị bài nói; Tìm ý, lập dàn ý (chuyển nội dung bài viết thành dàn ý bài nói); Luyện tập, trình bày; Trao đổi, đánh giá.

2. Hoạt động tìm hiểu cách đánh giá kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử

a. Mục tiêu: Trình bày được cách thức đánh giá kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

b. Sản phẩm: Nội dung trình bày của HS về cách thức đánh giá kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc *Bảng kiểm kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử* trong SGK, trình bày cách thức sử dụng bảng kiểm khi luyện tập và khi tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau; nêu câu hỏi (nếu có).

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 1 – 2 HS trình bày hoặc nêu câu hỏi. Các HS khác lắng nghe.

* *Kết luận, nhận định:* GV trả lời câu hỏi của HS về bảng kiểm (nếu có) và nhắc lại cách thức HS sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau cho kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

1. Hoạt động chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Xác định được đối tượng người nghe, địa điểm trình bày bài nói, thời lượng cho phép của bài nói.

b. Sản phẩm: Câu trả lời về đối tượng người nghe, địa điểm trình bày bài nói, thời lượng cho phép của bài nói.

c. Tổ chức thực hiện

* *Giao nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện các nhiệm vụ sau ở nhà: Xác định đối tượng người nghe, địa điểm trình bày bài nói, thời lượng cho phép của bài nói.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận và Kết luận, nhận định:* GV sẽ kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết *Luyện tập, trình bày* ở lớp.

2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý

a. Mục tiêu: Lập được dàn ý bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử bằng cách chuyển từ nội dung của bài nói; lựa chọn được (các) phương tiện phi ngôn ngữ để tăng sự hấp dẫn cho bài nói.

b. Sản phẩm: Dàn ý bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, (các) phương tiện phi ngôn ngữ để tăng sự hấp dẫn cho bài nói.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện các nhiệm vụ sau ở nhà:

(1) Chuyển nội dung bài văn thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử đã viết thành dàn ý bài nói: thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

(2) Lựa chọn, chuẩn bị (các) phương tiện phi ngôn ngữ như sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa, đoạn phim,... phù hợp với nội dung để tăng sự hấp dẫn cho bài nói.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự: (1) → (2).

* *Báo cáo, thảo luận và Kết luận, nhận định:* GV sẽ kiểm tra các sản phẩm của HS vào tiết *Luyện tập, trình bày* ở lớp.

3. Hoạt động luyện tập, trình bày

a. Mục tiêu:

– Thuyết minh được về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.

– Cố gắng rèn luyện để đạt kết quả tốt trong hoạt động luyện tập nói và nghe.

b. Sản phẩm: Bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử, có sử dụng các sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh minh họa.

c. Tổ chức thực hiện

* *Giao nhiệm vụ học tập:*

(1) HS luyện tập theo nhóm hai HS theo cách sau: Lần lượt từng HS trình bày bài thuyết minh đã lập dàn ý và luyện tập ở nhà, HS còn lại lắng nghe, nhận xét ngắn gọn.

(2) Cá nhân HS trình bày trước toàn lớp bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử được chuyển từ nội dung bài viết.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự: (1) → (2).

* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 – 3 HS trình bày bài thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử. Các HS khác lắng nghe và nêu câu hỏi (nếu có).

* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của các HS và đề nghị HS chuẩn bị cho hoạt động trao đổi, đánh giá.

4. Hoạt động trao đổi, đánh giá

a. Mục tiêu:

– Tự đánh giá và đánh giá được kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

b. Sản phẩm: Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS.

c. Tổ chức thực hiện:

* *Giao nhiệm vụ học tập:*

– Đối với HS là người nói, sử dụng bảng kiểm để tự đánh giá kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

– Đối với HS là người nghe, sử dụng bảng kiểm để nhận xét, đánh giá bài nói của bạn.

* *Thực hiện nhiệm vụ học tập:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

* *Báo cáo, thảo luận:*

(1) 1 – 2 HS trình bày kết quả tự đánh giá và một số kinh nghiệm bản thân rút ra được về kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử.

(2) 1 – 2 HS trình bày phần nhận xét, đánh giá kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử của bạn.

* *Kết luận, nhận định:*

– GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên các phương diện: những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách thực hiện kĩ năng thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử; cách nhận xét, đánh giá kĩ thuyết minh về một danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử của người khác.

– GV giải đáp những gì HS thắc mắc (nếu có).

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: LÊ THỊ THUỶ TRANG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Thiết kế sách: NGUYỄN NGỌC ĐAN THANH

Sửa bản in: LÊ THỊ THUỶ TRANG – PHAN THỊ BÍCH VÂN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng

– Sách điện tử: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

– Tập huấn online: *taphuan.nxbgd.vn*

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN NGỮ VĂN LỚP 9 – BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO
(Tài liệu lưu hành nội bộ)**

Mã số:

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB:

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN:



TRẦN TRỌNG GIỚI THIỂU

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN,
BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA**
môn

NGŨ' VĂN

BỘ SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

LỚP

9



Sách không bán